

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG



PETROMIENTRUNG

MỤC LỤC



Thông tin tổng quan	03 - 04
Thông điệp của Hội Đồng Quản Trị	05 - 06
Lịch sử hình thành và phát triển	07 - 08
Ngành nghề kinh doanh	09 - 12
Mô hình hoạt động	13 - 18
Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý	19 - 20
Định hướng phát triển	21 - 22
Cơ cấu cổ đông	23 - 24
Nhân sự chủ chốt	25 - 28

BÁO CÁO

Báo cáo Hội Đồng Quản Trị	31 - 36
Báo cáo Ban điều hành	37 - 40
Báo cáo Ban kiểm soát	41 - 46
Báo cáo Quản trị rủi ro	47 - 50
Báo cáo Phát triển bền vững	51 - 54
Báo cáo Tài chính năm 2017	57 - 146

THÔNG TIN TỔNG QUAN



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Tên nước ngoài	PETRO CENTER CORPORATION
Tên viết tắt	PETRO MIEN TRUNG CO.,JSC
Vốn điều lệ	330.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	330.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Số điện thoại	(84 - 0235) 394 7233
Số fax	(84-0235) 394 7244
Email	info@petrocenter.com.vn
Website	www.petrocenter.com.vn



Số lượng cổ phiếu lưu hành

33.000.000
cổ phiếu

(tại ngày 31/12/2017)

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

(tại ngày 31/12/2017)

Sàn niêm yết

Sở giao dịch
Chứng khoán Tp.
Hồ Chí Minh (HOSE)

Mã chứng khoán

PMG



LOGO

Ý nghĩa

Logo được thiết kế tựa theo hình ảnh ngọn lửa hồng đang rực cháy, thể hiện được phương châm hoạt động "GAS MIỀN TRUNG RA ĐỜI ĐỂ PHỤC VỤ" của Công ty.

Màu sắc

Màu vàng thổ thể hiện khát vọng của Công ty, mong muốn mang được ngọn lửa vàng tới mọi gia đình; đồng thời tạo ra sự phát triển cho xã hội bằng việc tạo ra nhiều công ăn việc làm, mang lại ấm no hạnh phúc cho người dân.



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý Cổ đông và Nhà đầu tư

Năm 2017 là năm đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung.

Đầu tiên là dự án tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Gas) tại Cụm Công nghiệp Thủy Phương, Phường Thủy Phương, Thị Xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên - Huế hoàn thành cuối năm 2017 và khai trương vào ngày 20/01/2018 và tiếp đến Nhà máy tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Gas) tại xã Tam Hiệp - Huyện Núi Thành - Tỉnh Quảng Nam đã hoàn thành cuối năm 2017 và khai trương vào ngày 09/3/2018. Hai dự án trên đánh dấu sự nỗ lực Công ty trong việc lựa chọn đầu tư thuộc lĩnh vực thế mạnh của mình, kinh doanh các sản phẩm chính và cốt lõi.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung đã được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định niêm yết số 491/QĐ-SGDHCM vào ngày 27/12/2017 trở thành Công ty đại chúng được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Công ty chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn HOSE vào ngày 25/01/2018 với mã chứng khoán là PMG.

Ngoài hai sự kiện nêu trên, Công ty còn đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng về kết quả sản xuất và kinh doanh. Năm 2017 là mức tăng trưởng cao nhất kể từ khi thành lập đến nay và đã đánh dấu thành tích hơn 10 năm liên tục vận hành an toàn và ổn định.

Về công tác quản trị, bên cạnh việc duy trì hiệu quả hệ thống quản lý hiện hành trong năm 2017, tiếp tục áp dụng hệ thống đánh giá công việc của nhân viên, nhằm hướng tới xu hướng quản trị tinh gọn, hiệu quả và minh bạch.

Có thể nói, năm 2017 là năm thành công nhất kể từ khi thành lập Công ty đến nay. Để được những kết quả khích lệ như trên là nhờ sự nỗ lực vượt khó và tập trung vào hoạt động phát triển, nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng cho các năm kế tiếp. Năm 2018, dự báo thị trường ổn định và tích cực hơn. Nguồn cung cấp khí gas tại Nhà máy tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ

hóa lỏng LPG (Gas) khu công nghiệp Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam và Nhà máy tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Gas) tại Cụm Công nghiệp Thủy Phương, Phường Thủy Phương, Thị Xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế đi vào hoạt động trong năm 2018 cộng với năng lực sản xuất và kinh doanh hiện có, Công ty tiếp tục duy trì vị thế là nhà cung cấp có năng lực và khả năng cạnh tranh tốt trên thị trường. Tuy nhiên, bên cạnh dự báo tích cực của thị trường thì Công ty cũng đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các nhà cung cấp khác có tiềm lực lớn về vốn, công nghệ cũng như kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

Về kế hoạch kinh doanh năm 2018, Công ty xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh phù hợp trên cơ sở cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố bên ngoài và nội tại. Dựa vào kế hoạch đó, Công ty cam kết triển khai các giải pháp phù hợp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được cổ đông thông qua. Ngoài việc ổn định và an toàn sản xuất kinh doanh, thực hiện kế hoạch bảo dưỡng tổng thể và định kỳ vô bình, kinh doanh hiệu quả sản phẩm gas, trong năm sẽ tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh thêm mảng vô bình tại Quảng Nam nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực hiện có.

Trên đây là một số nét nổi bật để cập về tình hình Công ty năm 2017.

Cuối cùng, thay mặt cho Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tín nhiệm và đồng hành của quý cổ đông, nhà đầu tư cổ phiếu PMG, Ban Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty.

Kính chúc quý cổ đông, nhà đầu tư mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN TIẾN LĂNG

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2007

09/05/2007

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

2014

Tháng 10/2014

Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Dầu khí V-Gas tại Đồng Nai, từng bước dần khẳng định thương hiệu của mình.

2016

Năm 2016

Công ty đã xây dựng thành công thương hiệu PM Gas, Picnic Gas, Vgas và tiến hành đầu tư vỏ bình thương hiệu PM Gas với số lượng 1.200.000 vỏ, giá thành mỗi vỏ bình khoảng 450.000 đồng (tương đương mức đầu tư hơn 540 tỷ đồng). Định hướng của Công ty là đẩy mạnh thị phần PM Gas, Picnic Gas, Vgas, rộng khắp cả nước.

2017

Ngày 19/12/2017

Petro Miền Trung chính thức trở thành công ty đại chúng theo giấy chứng nhận số 8446/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 27/12/2017

Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung với mã chứng khoán PMG.

2018

Ngày 25/01/2018

Chính thức giao dịch trên sàn HOSE. Đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, khẳng định tên tuổi và vị thế của Petro Miền Trung - là một trong những thương hiệu lớn và uy tín của thị trường gas Việt Nam trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, tồn trữ, chiết xuất, sản xuất vỏ bình và phân phối gas tại thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Theo giấy đăng ký doanh nghiệp số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần 17 ngày 08/12/2017, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Thứ tự	Tên ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5	Sản xuất sản phẩm từ plastic
6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
7	Vận tải hành khách đường bộ khác
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
9	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
10	Bán buôn đồ uống
11	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
12	Đại lý, môi giới, đấu giá
13	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY



Hoạt động của CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng (LPG) tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

1 Nhập khẩu khí gas từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước*
 Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại Cảng Đồng Nai và Cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 5 đến 20.000 tấn.

4 Chiết nạp khí gas vào bình
 Khí Gas sẽ được chiết vào 2 loại bình đã sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này, vấn đề về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.

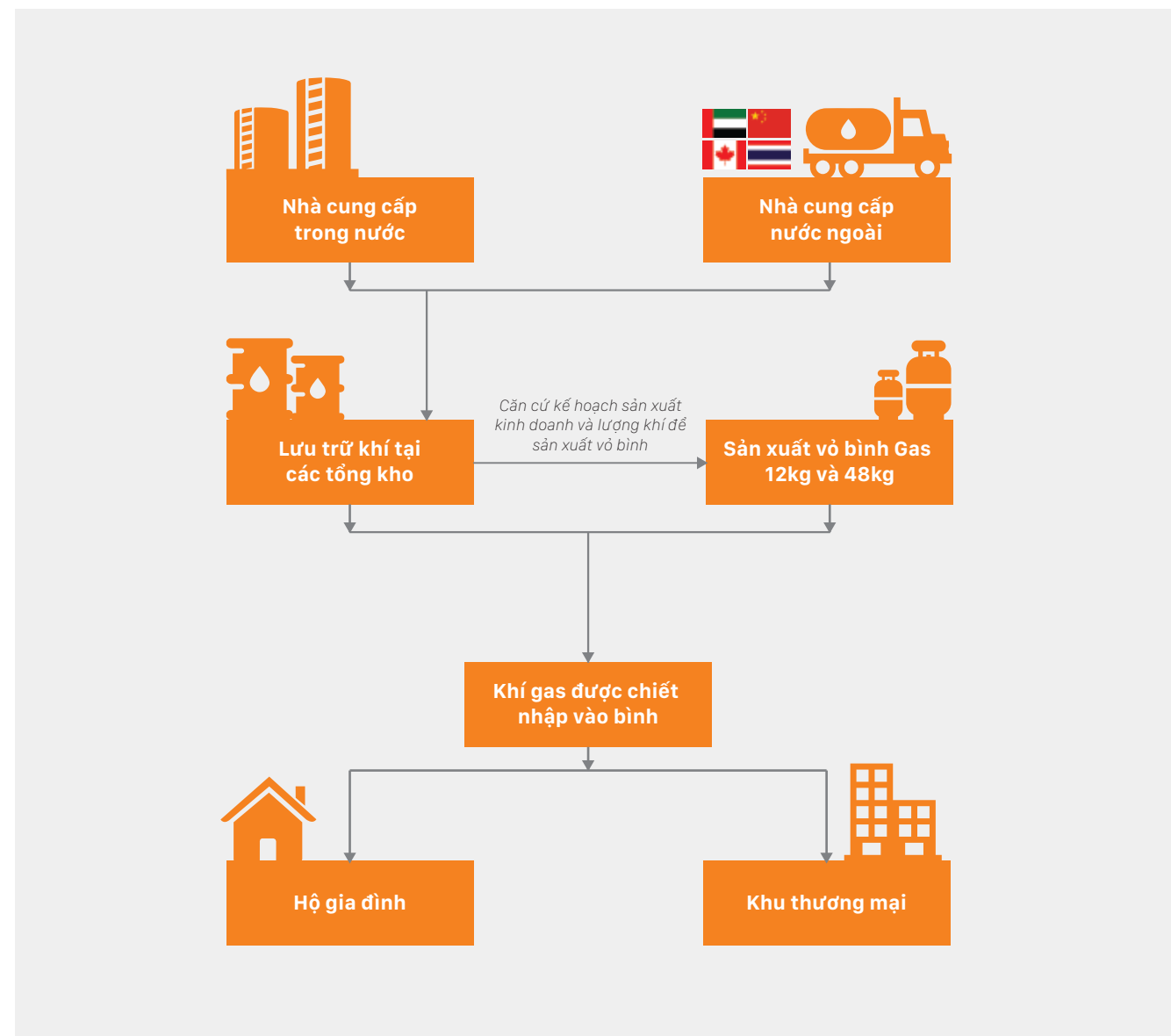
2 Trữ khí vào các tổng kho của Công ty tại các vùng miền Trung
 Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng như nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty.

5 Phân phối Gas đến người tiêu dùng
 Sau khi được sang chiết, các sản phẩm của Công ty (bình chứa Gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho các đại lý lớn và bán lẻ tới từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng được cho mình một tập khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí Gas và chuyên cung cấp Gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Nhà máy Đồng Tâm, Thaco Trường Hải...Thị phần cung cấp tại Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V-gas, PM gas và Picnic-VIP. Đồng thời, công ty tiến hành tự sản xuất vỏ bình Gas để chủ động trong quá trình chiết Gas, cung cấp cho các đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực.

3 Sản xuất vỏ bình gas khối lượng 12kg và 45kg
 Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sản xuất vỏ bình Gas loại 12 kg và loại 45 kg.

Theo nghiên cứu, Khí hóa lỏng - Khí gas hay còn gọi đầy đủ là khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (Liquefied Petroleum Gas) là một nhóm các loại khí Hydro-Carbon có thành phần chính là propan C3H8 và butan C4H10. LPG tồn tại trong thiên nhiên ở các giếng dầu hoặc giếng gas và cũng có thể sản xuất ở các nhà máy lọc dầu. Nguyên liệu ban đầu dùng để sản xuất LPG là dòng khí thiên nhiên khai thác từ các mỏ dầu hoặc qua quá trình xử lý dầu thô để thu được LPG. Trong điều kiện nhiệt độ và áp suất không khí thông thường, LPG thường ở thể khí tuy nhiên nó được gọi là khí dầu mỏ hóa lỏng vì các chất khí này có thể được hóa lỏng khi nén lại (mà không cần qua làm lạnh) nhằm thuận tiện cho việc tồn trữ và vận chuyển. LPG không màu, không mùi nhưng chúng ta vẫn thấy gas có mùi vì chúng đã được cho thêm chất tạo mùi trước khi cung cấp cho người tiêu dùng để dễ dàng phát hiện ra khi có sự cố rò rỉ gas. Mỗi kg LPG cung cấp khoảng 12.000 kcal năng lượng, tương đương

nhiệt năng của 2 kg than củi hay 1,3 lít dầu hỏa hoặc 1,5 lít xăng. Việc sản sinh ra các loại chất khí NOx, khí độc và tạp chất trong quá trình cháy thấp đã làm cho LPG trở thành một trong những nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường. LPG được sử dụng đa dạng trong công nghiệp như: nhiên liệu trong công nghiệp xử lý thực phẩm, làm giấy, làm hạt nhựa và thậm chí làm chất nổ, làm nhiên liệu để chạy turbine phát điện, làm chất làm lạnh, dầu vào cho công nghiệp hóa chất. Trong nông nghiệp và dân dụng, LPG được sử dụng để sấy khô nông sản, sưởi ấm, làm nhiên liệu trong nấu nướng, nhiên liệu cho phương tiện vận tải... LPG bắt đầu được sử dụng ở Việt Nam từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ 20, với sản lượng ban đầu chỉ khoảng 50.000 tấn/năm thông qua nhập khẩu và sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực dân dụng. Ngoài nguồn LPG trong nước, hiện tại một nửa nhu cầu LPG của Việt Nam phải nhập khẩu.



*Nhập khẩu khí gas từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước là điểm mạnh không phải doanh nghiệp kinh doanh khí gas tại Việt Nam cũng có thể đáp ứng. Trước đây, khi Nghị định 19/2016/NĐ-CP còn hiệu lực, các Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí cần đáp ứng một số điều kiện theo quy định:
 1. Thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và phải đáp ứng các Điều kiện dưới đây:
 a) Có cầu cảng thuộc hệ thống cảng Việt Nam thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng thuê cầu cảng tối thiểu 05 (năm) năm;
 b) Có kho tổng dung tích các bồn chứa tối thiểu 3.000 m3 (ba nghìn mét khối) đối với LPG; 60.000m3 (Sáu mươi nghìn mét khối) đối với LNG; 200.000 Sm3 (hai trăm nghìn mét khối tiêu chuẩn) đối với CNG thuộc sở hữu thương nhân hoặc đồng sở hữu hoặc thuê của thương nhân kinh doanh khí tối thiểu 01 (một) năm đối với LPG và 05 (năm) năm đối với LNG và CNG để tiếp nhận khí từ tàu hoặc phương tiện vận chuyển khác.
 2. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG ngoài đáp ứng các Điều kiện tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các Điều kiện sau:
 a) Có số lượng chai LPG các loại (không tính chai LPG mini) đủ Điều kiện lưu thông trên thị trường thuộc sở hữu của thương nhân với tổng dung tích chứa tối thiểu 3.930.000 L (ba triệu chín trăm ba mươi nghìn lít);
 b) Có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc có hợp đồng thuê trạm nạp LPG vào chai với thương nhân kinh doanh LPG đầu mối khác.

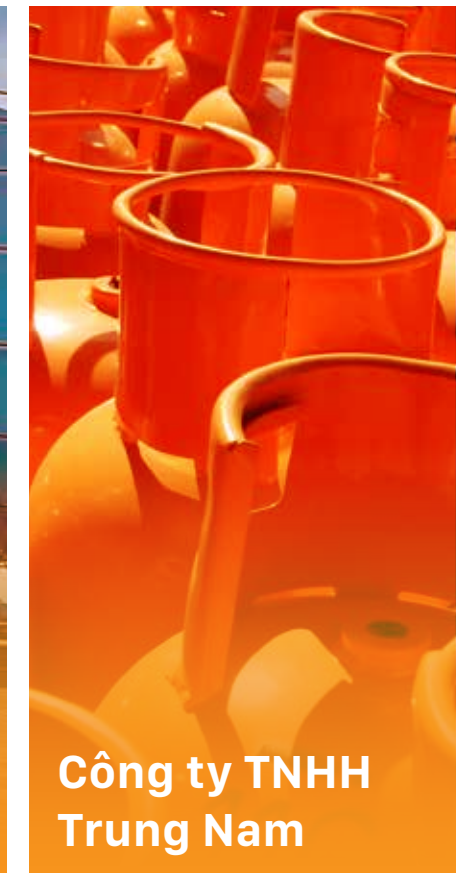
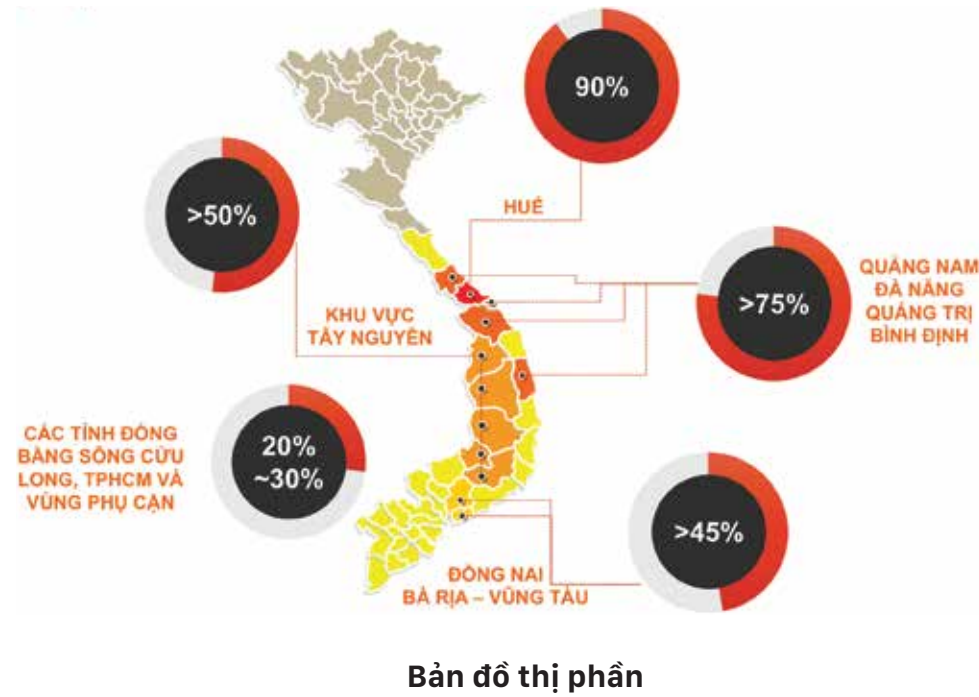
Sau 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu LPG, phải có trạm nạp LPG vào chai thuộc sở hữu của thương nhân;
 c) Có hệ thống phân phối LPG bao gồm: Cửa hàng bán LPG chai hoặc trạm cấp LPG hoặc trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoặc khách hàng công nghiệp và có tối thiểu 40 (bốn mươi) tổng đại lý hoặc đại lý kinh doanh LPG đáp ứng đủ Điều kiện quy định tại Nghị định này.
 3. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG ngoài đáp ứng các Điều kiện tại Khoản 1 Điều này phải có cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hệ thống phân phối LNG, bao gồm: Sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê xe bồn LNG hoặc đường ống vận chuyển LNG tối thiểu 01 (một) năm; sở hữu trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện.
 4. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG ngoài đáp ứng các Điều kiện tại Khoản 1 Điều này phải có cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hệ thống phân phối CNG, bao gồm: Sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê xe bồn CNG hoặc đường ống vận chuyển CNG tối thiểu 01 (một) năm; sở hữu trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải được cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện.
 Mặc dù Nghị định 19/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, nhiều điều kiện gia nhập thị trường đã được bãi bỏ để cho các đơn vị dễ dàng tham gia. Tuy nhiên, có thể nói rất ít có doanh nghiệp kinh doanh gas tư nhân như PMGAS có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp có lịch sử lâu đời và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Nhà nước như PMGAS.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

»»

Các chi nhánh trực thuộc

01. Chi nhánh Đà Lạt
02. Chi nhánh Vũng Tàu
03. Chi nhánh Quảng Trị
04. Chi nhánh Bình Định
05. Chi nhánh Quảng Nam
06. Chi nhánh Thừa Thiên Huế



Các tổng kho, đơn vị trực thuộc

1. Tổng kho và nhà máy chiết nạp tại lô 4 KCN Điện Nam - Điện Ngọc
2. Tổng kho và nhà máy chiết nạp tại lô 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc
3. Tổng kho tồn trữ, cảng xuất nhập khẩu gas cùng nhà máy chiết nạp tại khu kinh tế mở Chu Lai
4. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Huế
5. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Lâm Đồng
6. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Bình Định
7. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Vũng Tàu
8. Kho tồn trữ và nhà máy chiết nạp tại Quảng Trị
9. Cảng xuất, nhập LPG, tổng kho và nhà máy chiết nạp tại Đồng Nai
10. Nhà máy sản xuất vỏ bình gas khu công nghiệp Phú Mỹ - Bà Rịa Vũng Tàu

Công ty con

1. Công ty TNHH Gas Miền Trung (95%)
2. Công ty TNHH Trung Nam (65%)
3. Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas (57,78%)

Địa chỉ

Số 1A/8, đường Châu Văn Lồng, Khu phố Long Điểm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3603202837

Vốn điều lệ

225 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

57,78%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

Địa chỉ

Lô 6 KCN Điện nam - Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc - TX Điện Bàn Quảng Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

4000354775

Vốn điều lệ

50 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

95,00%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

Địa chỉ

8G khu phố II, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302137561

Vốn điều lệ

15 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

65,00%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

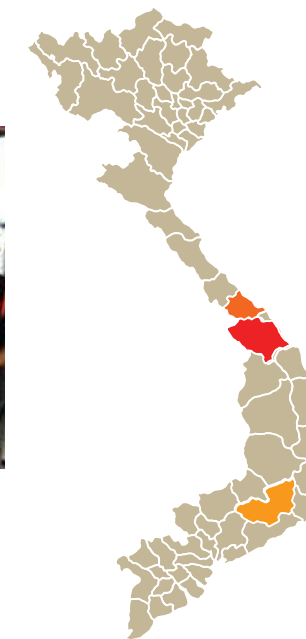
**TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI
LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**



**TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI
LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM – ĐIỆN NGỌC**



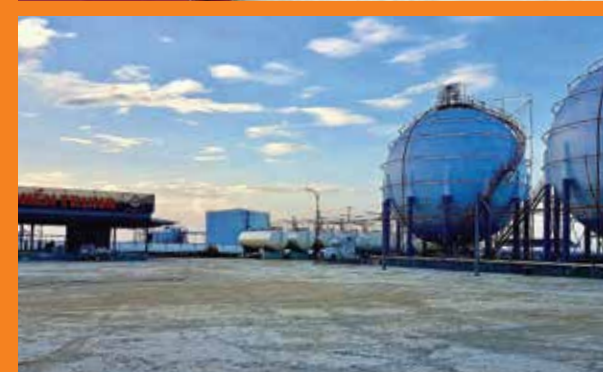
**KHO TỒN TRỮ VÀ
NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI HUẾ**



**KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY
CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG**

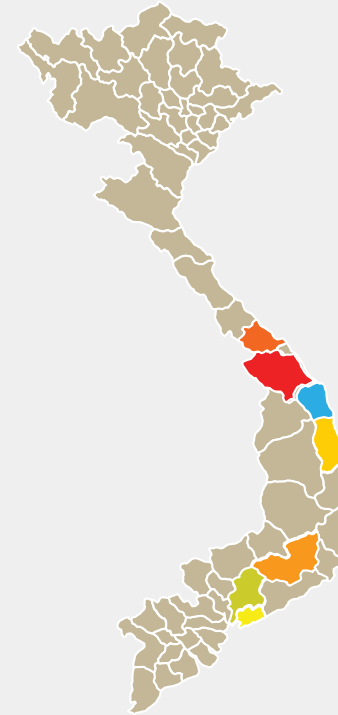
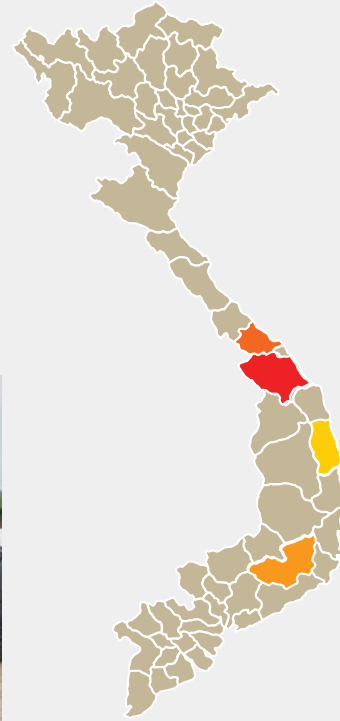


**TỔNG KHO TỒN TRỮ,
CẢNG XUẤT NHẬP KHẨU GAS
CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP
TẠI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI**





KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH



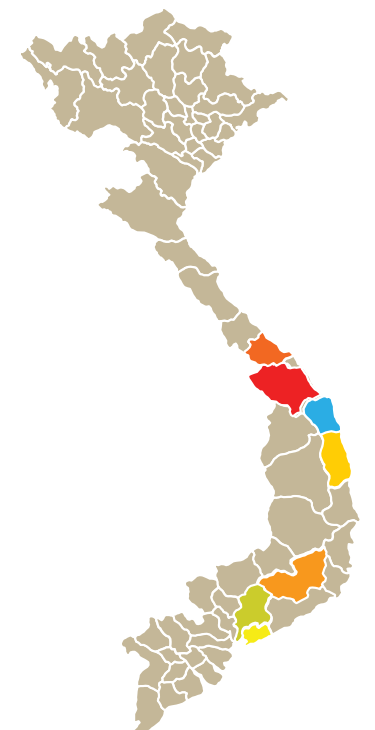
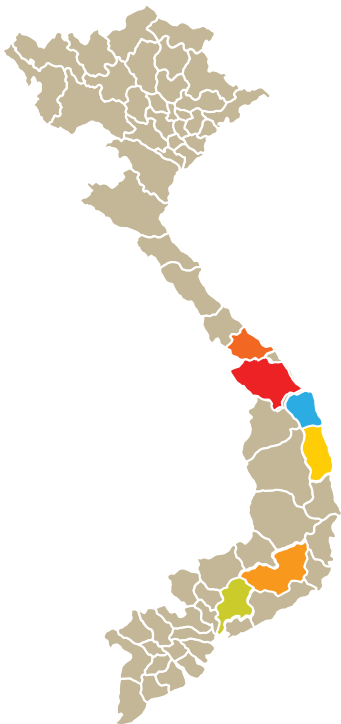
KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU



CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI

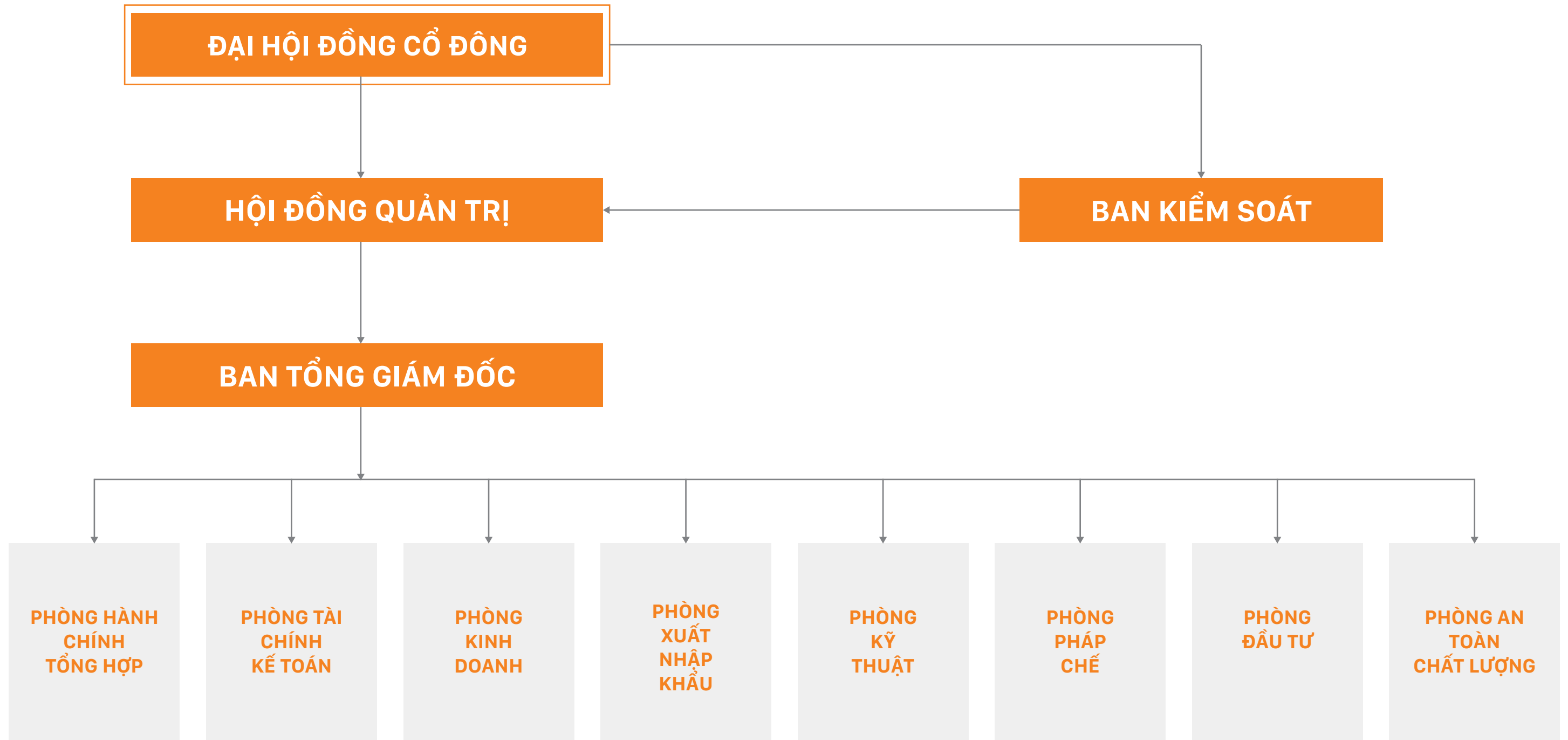


NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

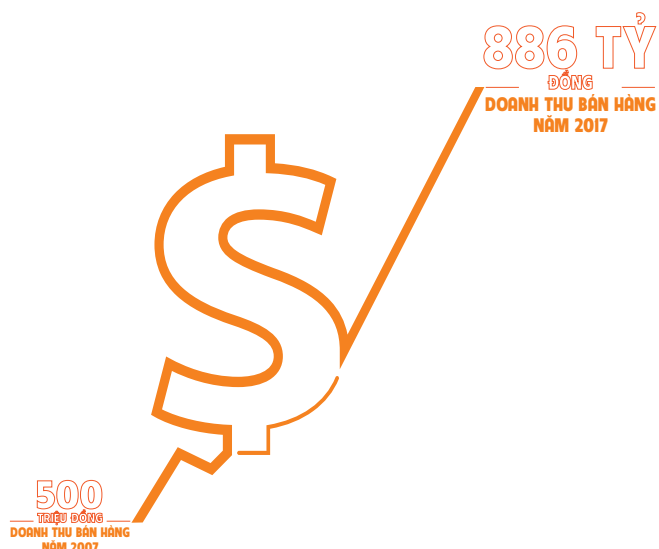
»»



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng. Với quyết tâm đổi mới sáng tạo trong những năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã phát triển mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, triển khai xây dựng các nhà máy tồn trữ & chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng LPG theo chiến lược phát triển giai đoạn từ nay đến năm 2020 và định hướng theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông.



CÔNG TY ĐÃ HOẠCH ĐỊNH VỚI MỤC TIÊU CƠ BẢN NHƯ SAU

2018 2020 2025

Từ nay đến năm 2020:

Phần đầu đặt mức tăng trưởng từ 20 - 30% doanh thu và lợi nhuận trong năm 2018, và sẽ cán mốc 2000 tỷ đồng doanh thu vào năm 2020.

1.100 TỶ ĐỒNG ⇨ 2.000 TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2018 (tỷ đồng)	NĂM 2017 (tỷ đồng)	TĂNG TRƯỞNG (%)
Doanh thu thuần hợp nhất	1.100	879,72	25,04
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	72	58,26	23,58
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	58	46,52	24,68

Đến năm 2025 : Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy có công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến để đa dạng hóa sản phẩm mở rộng thị trường phân phối các nước trong khu vực nhằm trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh với công nghệ cao trong nước và hướng đến các nước trong khu vực.

ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT



Song song với việc khai thác các thị trường sẵn có, Petro Miền Trung sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô hoạt động của những công ty trong cùng hệ thống, mở rộng chiếm lĩnh thị phần của các thị trường tiềm năng bằng chiến lược M&A các công ty trong cùng lĩnh vực hoạt động kinh doanh và khai thác Gas dân dụng, có sẵn hạ tầng tốt, thị phần cao tại những địa bàn Petro Miền Trung chưa có hoặc tỷ trọng thị phần đang còn thấp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược có uy tín, có kinh nghiệm và khả năng hỗ trợ Petro Miền Trung lâu dài trong việc tái cấu trúc hệ thống kinh doanh, quản trị, phù hợp với chiến lược xây dựng và phát triển của Petro Miền Trung trở thành một trong những doanh nghiệp lớn nhất trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, tồn trữ, chiết xuất và phân phối khí Gas.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH



Thị phần duy trì ở mức:

- Khu vực Miền Trung: **>85%**
- Khu vực Tây Nguyên: **>75%**
- Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu: **>50%**
- Đồng bằng Sông Cửu Long - TP HCM và vùng phụ cận: **>35%**
- Quảng Bình - Quảng Ngãi - Phú Yên - Khánh Hòa: **>50%**

Mở rộng thị trường ra nước ngoài

Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm

CỔ PHẦN



Tại ngày 31/12/2017, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký

330.000.000.000 ĐỒNG

Vốn điều lệ thực góp

330.000.000.000 ĐỒNG

Khối lượng cổ phiếu đã niêm yết

33.000.000 CỔ PHIẾU

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng

16.870.000 CỔ PHIẾU

1/2 số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng đến ngày 25/07/2018 (trong vòng 06 tháng) và 8.435.000 cổ phiếu còn lại hạn chế chuyển nhượng đến ngày 25/01/2019 (trong vòng 12 tháng).

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 CỔ PHIẾU

Mệnh giá

10.000 ĐỒNG/CỔ PHIẾU

Thống kê danh sách cổ đông (Tại ngày chốt danh sách 04/04/2018)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn (>= 5%)	16,500,000	50.00%
Trong nước	16,500,000	50.00%
Nước ngoài	0	0.00%
Cổ đông khác (< 5%)	16,500,000	50.00%
Trong nước	16,492,920	49.98%
Nước ngoài	7,080	0.02%

Danh sách cổ đông lớn (Tại ngày chốt danh sách 04/04/2018)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Tiến Lãng	11,550,000	35.00%
Nguyễn Thị Bích Thùy	4,950,000	15.00%



Ông Nguyễn Tiến Lãng

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành



Bà Nguyễn Thị Bích Thùy

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT điều hành



Bà Hàn Kiều Minh Phương

Thành viên HĐQT
Thành viên độc lập HĐQT

Ngày tháng năm sinh **03/10/1968**

Nơi sinh **Đà Nẵng**

Quốc tịch **Việt Nam**

Địa chỉ thường trú **8G Khối phố 5, phường Hiệp Thành, Q12, TP HCM**

CMND **025473008**

Trình độ chuyên môn **Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh**

Chức vụ hiện nay **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty TNHH Gas Miền Trung.**

Quá trình công tác
Năm 2013 đến nay **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty TNHH Gas Miền Trung.**

Từ ngày 28/06/2017 đến 07/12/2017 **Tổng Giám Đốc công ty cổ phần Đầu Tư và Sản Xuất Petro Miền Trung**

Hành vi vi phạm pháp luật **Không**

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ **11.550.000 cổ phần, chiếm 35,00% vốn điều lệ**

Trong đó:
- Sở hữu cá nhân 11.550.000 cổ phần, chiếm 35,00% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

Ngày tháng năm sinh **19/06/1977**

Nơi sinh **Đà Nẵng**

Quốc tịch **Việt Nam**

Địa chỉ thường trú **53 Đoàn Thị Điểm, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Đà Nẵng**

CMND **201300482**

Trình độ chuyên môn **Đại học chuyên ngành du lịch**

Chức vụ hiện nay **Tổng Giám đốc**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác **Không**

Quá trình công tác
Năm 2011 đến năm 2006 **Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung**

Từ 2007 đến nay **Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Hành vi vi phạm pháp luật **Không**

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ **4.950.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ**

Trong đó:
- Sở hữu cá nhân 4.950.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

Ngày tháng năm sinh **02/01/1977**

Nơi sinh **Hải Châu, Đà Nẵng**

Quốc tịch **Việt Nam**

Địa chỉ thường trú **K48/33 Phan Châu Trinh, thành phố Đà Nẵng**

CMND **201384568**

Trình độ chuyên môn **Trung cấp kế toán**

Chức vụ hiện nay **Thành Viên Hội Đồng Quản Trị**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác **Không**

Quá trình công tác
Tháng 11/2017 đến nay **Thành viên Hội Đồng Quản Trị**

Hành vi vi phạm pháp luật **Không**

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ **210.000, cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ**

Trong đó:
- Sở hữu cá nhân 210.000 cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT >>

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	19/06/1977
Nơi sinh	Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	53 Đoàn Thị Điểm, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
CMND	201300482

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành du lịch	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.950.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 4.950.000 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần
Quá trình công tác Năm 2011 đến năm 2006	Phó Giám đốc Công ty TNHH Gas Miền Trung		
Từ 2007 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung		

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Hoàng Gia

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh	05/07/1988
Nơi sinh	Gia Lai
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tây Sơn, Thành Phố Pleiku, Thành phố Gia Lai
CMND	230676935
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác Năm 2007 đến tháng 7/2017	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam
8/2018 đến nay	TGD CTY CP Dầu Khí Vgas kiêm Phó Tổng Giám Đốc công ty Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần
Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh

Ngày tháng năm sinh	01/01/1981
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	582 Cửa Đại, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam
CMND	205062668
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Kinh Doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác Năm 2003 đến năm 2015	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gas Miền Trung
Từ 2016 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh Công ty Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	100.000 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ
Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 100.000 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Linh Thường

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	01/06/1979
Nơi sinh	Quảng Trị
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Mỳ Hạ, Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội.
CMND	045179000004
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác Từ 2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Trần Thị Kim Huệ

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	16/02/1986
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	An Xuân, Quảng An, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.
CMND	191552895
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm Soát công ty CP ĐT & SX Petro MT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác Năm 2008 đến năm 2016	Giáo Viên Khoa Kinh Tế Trường Cao Đẳng Nghệ Nguyễn Tri Phương - Huế
Từ tháng 10 2016	Nhân Viên kế Toán DNTN Quang Phụ - Huế
Từ tháng 2 2017	Nhân viên kế toán Cty CP Dầu Khí VGas - Chi nhánh Đông Xuyên kiêm Trưởng Ban Kiểm Soát Cty CP ĐT & SX Petro MT
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 15,00% vốn điều lệ
Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

Bà Lê Thị Hồng Trang

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	07/11/1985
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
CMND	201539169
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác Năm 2006 đến nay	Kế toán Công ty TNHH Gas Miền Trung
Từ 10/2016 đến nay	Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần

Bà Trần Thị Quyên

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	12/11/1985
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn 4, Quế Bình, Hiệp Đức, Quảng Nam
CMND	205260120
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên ngành kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác Năm 2016 đến nay	Kế toán Công ty TNHH Gas Miền Trung
Tháng 10 2016 đến nay	Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	20.000 cổ phần, chiếm 0,60% vốn điều lệ
Trong đó:	- Sở hữu cá nhân 20.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ - Được ủy quyền đại diện 0 cổ phần

BÁO CÁO

Báo cáo của Hội đồng Quản Trị
Báo cáo của Ban Điều hành
Báo cáo của Ban Kiểm soát
Báo cáo Quản trị rủi ro
Báo cáo Phát triển bền vững
Báo cáo Tài chính Mẹ
Báo cáo Tài chính Hợp nhất





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



➤➤ Kết quả hoạt động

Trong năm, HĐQT đã thường xuyên trao đổi thông tin, bám sát tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp trực tiếp hoặc bằng hình thức họp trực tuyến. Cụ thể, HĐQT đã tiến hành 03 cuộc họp với sự tham dự đầy đủ của 100% các thành viên và đưa ra các nghị quyết như sau:

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung
01	02/11/17-NQBT	15/11/2017	Đăng ký niêm yết cổ phiếu, thông qua điều lệ hoạt động và quy chế quản trị Công ty
02	01/12/17-NQHĐQT	01/12/2017	Thống nhất lộ trình thoái bớt 1 phần vốn tại Công ty TNHH Trung Nam nhưng không quá 4,5 tỷ đồng
03	04/12/17 NQ-HĐQT	26/12/2017	Lựa chọn giá giao dịch cổ phiếu PMG



➤➤ Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã có các chỉ đạo kịp thời về chủ trương, giải pháp hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Về doanh số: Thực hiện 879,72 tỷ đồng, tăng 96,69% so với năm 2016

Về lợi nhuận sau thuế: 46,52 tỷ đồng, và 107,4% so với năm 2016

Về cổ tức: Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%, thực hiện trong quý II/2018



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế quản trị và quy chế báo cáo thông tin theo quy định của Công ty niêm yết. Trong năm 2017, HĐQT đã luôn quan tâm sâu sát đến mọi mặt hoạt động của Công ty và thực hiện tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao phó. Theo đó, HĐQT đã:

- + Giám sát Ban Điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- + Xây dựng kế hoạch hoạt động công tác tháng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty.
- + Yêu cầu Ban Điều hành báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Điều hành, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.
- + Ban hành các quy chế, quy định, quy trình và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định Điều lệ Công ty; đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định, quy trình của Ban Điều hành bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.



Kết quả

Trong năm 2017, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT về quản trị, giám sát, chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự, lương thưởng... đã được giải quyết một cách chuyên nghiệp, trách nhiệm và tận tâm. Toàn bộ các thành viên HĐQT đạt kết quả tốt, đều chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình, đóng góp chung vào sự phát triển bền vững của Petro Miền Trung. Theo kết quả đánh giá của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2017, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



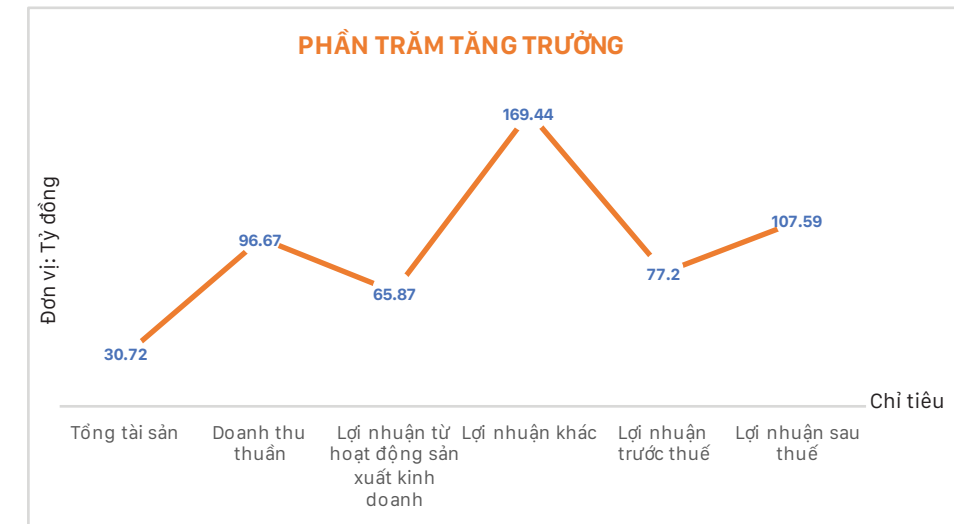
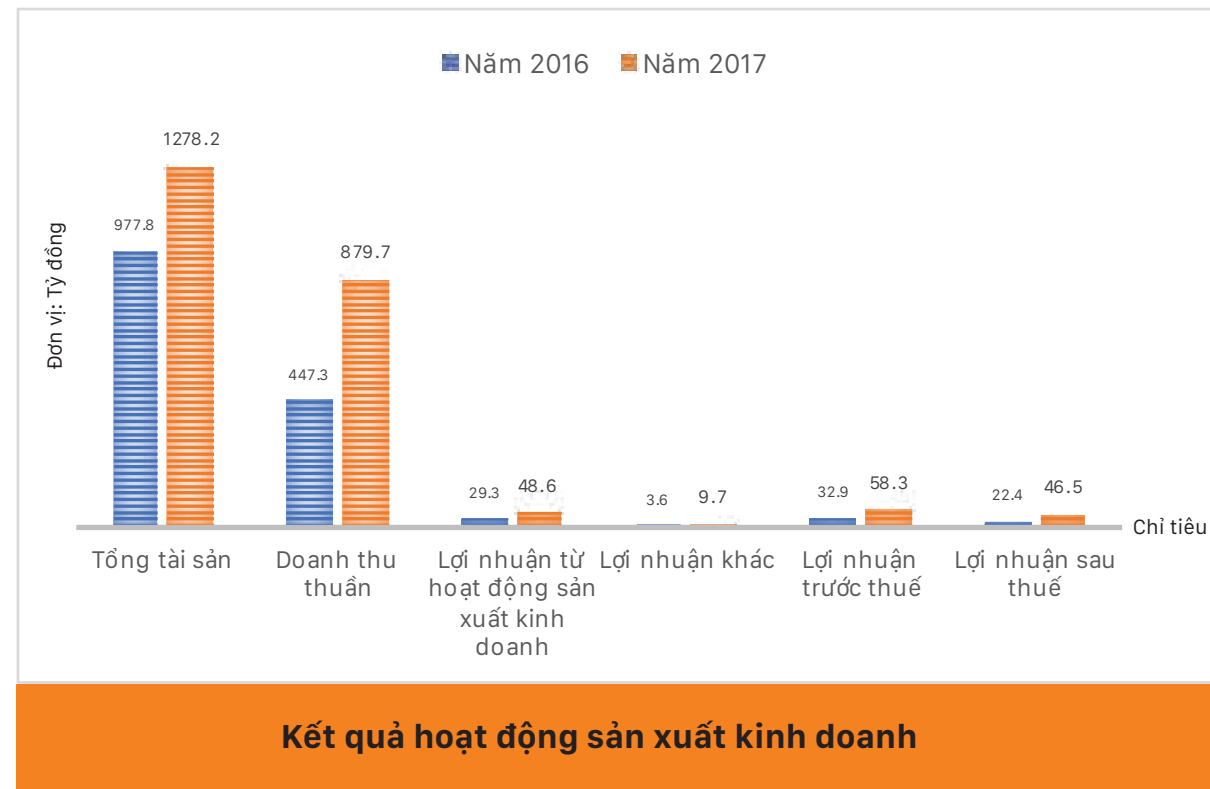
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Năm 2017 là năm bản lề của chiến lược kinh doanh 2017 – 2020 của Petro Miền Trung. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2017 có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm tạo đà vững tiến và tinh thần tích cực cho toàn thể nhân viên Petro Miền Trung tiếp tục thực hiện các mục tiêu cho các năm sau.

CỔ TỨC 2017 15%

Năm 2017 cũng là một năm đầy thử thách khi bối cảnh thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên vật liệu tăng cao, tình hình xuất nhập khẩu có phần giảm sút do bị tác động bởi tình hình bất ổn chính trị ở Trung Đông và thế giới... Trước bối cảnh đó, Ban Điều hành đã bám sát chỉ đạo và đã có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược thị trường kinh doanh, nhanh chóng xây dựng mạng lưới phân phối phù hợp hơn, chuyển hóa các nguồn lực thành những kênh bán hàng hiệu quả hơn... nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh về đúng quỹ đạo và cuối cùng là hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và tăng trưởng thị phần do HĐQT và ĐHCĐ đã đề ra trong năm 2017. Cụ thể:



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Với kết quả kinh doanh tốt và việc quản lý tài chính chặt chẽ, các chỉ số tài chính của Công ty luôn ở mức an toàn và hiệu quả.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2016	NĂM 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,03	0,52
	Hệ số thanh toán nhanh	0,99	0,45
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,55	0,60
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,24	1,53
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Vòng quay hàng tồn kho	19,85	29,24
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,57	0,78
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,01%	5,29%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,95%	12,63%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,86%	4,12%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/-Doanh thu thuần	6,54%	5,53%

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- + Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua. Nắm bắt kịp thời thông tin hoạt động nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;
- + Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo nhiệm vụ, chức năng được giao, luôn bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- + Thực hiện các công tác giám sát hoạt động của HĐQT và BĐH Công ty. Tham dự và bám sát các nội dung tại các phiên họp của HĐQT để giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động Công ty;
- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty.

Kết quả giám sát đối với các hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- + Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ trách nhiệm, tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật;
- + Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định khác của pháp luật;
- + Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty tuân thủ đúng theo các nghị quyết của HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác:

- + BKS thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT, Thành viên BKS và thành viên Ban Tổng giám đốc trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên;
- + HĐQT mời BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, hầu hết các tài liệu như biên bản họp HĐQT, Nghị quyết; các tài liệu, báo cáo, tờ trình của Ban Tổng giám đốc khi gửi xin ý kiến HĐQT đồng thời gửi cho BKS;
- + BKS được nhận tài liệu và được mời và tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh hoặc chuyên đề thuộc mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- + HĐQT, Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện cho BKS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



➤➤ Kết luận

- + BKS đã tiến hành 02 cuộc họp trong năm 2017 với sự tham gia của đầy đủ các thành viên. BKS đã tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ, thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động trọng yếu của Công ty.
- + Trưởng BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và đột xuất với HĐQT. Tham gia họp giao ban hàng tháng với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trong Công ty nhằm nắm bắt tình hình thực tế kinh doanh của Công ty và đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu ĐHCĐ giao.
- + Trưởng BKS và các thành viên thực hiện đúng phân công nhiệm vụ và chức năng của mình. Qua kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã giúp cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc kịp thời nhận diện rủi ro và có các chính sách để bảo đảm an toàn tài sản cho Công ty cũng như các cổ đông.
- + BKS và các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong năm 2017.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO



Năm 2017 là năm đánh dấu cột mốc khởi đầu bước phát triển mới của Công ty, theo định hướng Chiến lược cho giai đoạn 2017 – 2020 và cũng là năm đầu tiên Công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Hoạt động Quản lý rủi ro vì vậy cũng có các thay đổi để phù hợp với mô hình mới và ngày càng tích hợp vào các hoạt động cụ thể, đặc biệt là định hướng tích hợp QLRR trở thành một phần quan trọng của hệ thống quản lý chất lượng toàn Công ty.

➤➤ Thay đổi và tích hợp Thủ tục – Quy trình

Theo xu hướng phát triển của việc quản lý công ty và các quá trình hoạt động, các hệ thống quản lý sẽ ngày càng được tích hợp với nhau để chuẩn hóa và thống nhất xuyên suốt Công ty. Hệ thống QLRR cũng không phải là ngoại lệ. Cụ thể hơn:

- + Công tác hoạch định mục tiêu được xem xét dựa trên các yếu tố giả định, các rủi ro để đảm bảo mục tiêu mang tính thách thức nhưng khả thi và hiệu quả. Các rủi ro sau đó đồng thời cũng được nhận diện để quản lý kịp thời, phân công người phụ trách phù hợp để tăng khả năng thực hiện mục tiêu.
- + Các quá trình hoạt động, kiểm soát khi được thiết lập và thay đổi đều được cân nhắc dựa trên các yếu tố rủi ro và mức độ rủi ro cần quản lý.
- + Công tác tự đánh giá, rà soát các kiểm soát được thực hiện định kỳ bởi chính những người thực hiện kiểm soát, để đảm bảo rủi ro được giám sát, các kiểm soát phát huy hiệu quả.

➤➤ Thay đổi và tích hợp Thủ tục – Quy trình

Năm 2017, các công ty con của Petro Miền Trung cũng được áp dụng hệ thống QLRR trong toàn hệ thống. Ngoài các rủi ro được báo cáo định kỳ, các công ty con cũng theo dõi các rủi ro riêng, đặc thù. Các rủi ro này được giám sát và triển khai đến các cấp độ nhỏ hơn, từ Công ty đến các chi nhánh, kho chứa và đại lý.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO (QTRR)



TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
Rủi ro chiến lược			
1	Rủi ro môi trường kinh tế toàn cầu	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho công ty trong việc thực hiện các Kế hoạch kinh doanh.	Thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
2	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra các thay đổi bất lợi về môi trường chính trị, gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh.	Thực hiện đánh giá trước khi đầu tư, theo dõi và giám sát khi đã đi vào hoạt động. Thường xuyên cập nhật thông tin và có các đánh giá phù hợp.
3	Rủi ro truyền thông	Mất danh tiếng hoặc thiệt hại tài chính do không xử lý kịp thời, hợp lý các thông tin bất lợi bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Theo dõi và phản ánh kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua công cụ tự động và đội xử lý khủng hoảng phù hợp.
4	Rủi ro về kế hoạch chiến lược	Thiếu kế hoạch chiến lược thích đáng để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho phòng Hoạch định Chiến lược giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.
5	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	Tiếp tục phát huy các chiến lược duy trì lợi thế cạnh tranh, gia tăng thị phần. Nhận diện kịp thời các thay đổi của thị trường để có các ứng phó phù hợp.

TT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
Rủi ro hoạt động			
6	Rủi ro vận hành, cháy nổ	Khí và các sản phẩm khí là các sản phẩm dễ cháy nổ. Nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, phân phối khí và các sản phẩm khí thì sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, con người và môi trường.	Thường xuyên kiểm tra, giám sát dây chuyền sản xuất, vận chuyển, đảm bảo trang thiết bị luôn đảm bảo chất lượng an toàn vận hành. Thường xuyên diễn tập, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy và đào tạo cán bộ công nhân viên kiến thức về phòng chống cháy nổ.
7	Rủi ro về nguyên liệu đầu vào	Nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động của Công ty là nhập khẩu từ các nước và thu mua từ các đơn vị phân phối trong nước. Nếu sản lượng khí khai thác được của các nước thấp hơn so với dự báo sẽ có rủi ro tăng giá khí, hạn chế nguồn cung	Cam kết hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp khí. Chuẩn bị sẵn sàng những nguồn cung cấp khí thay thế để có thể bù đắp thiếu hụt nguyên liệu đầu vào trong trường hợp thị trường khí diễn biến không thuận lợi.
Rủi ro tài chính			
8	Biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề toàn cầu và là thành tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, quốc gia. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn giúp định hình thương hiệu “sạch” cho sản phẩm khí của Petro Miền Trung.

Thách thức từ cơ hội xanh

Cùng với sự phát triển về kinh tế, tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật công nghệ, chuyển biến mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, Phát triển bền vững, đặc biệt là “kinh tế xanh” ngày càng là tiêu điểm của các diễn đàn và quốc gia trên thế giới.

Để phác họa được một thế giới bền vững là như thế nào và làm sao thực hiện nó, hành động đầu tiên có lẽ chính là xác định những cơ hội và thách thức mà thế giới bền vững mang lại.



Cơ hội

Theo Báo cáo “Kinh doanh tốt hơn, Thế giới tốt hơn – Những cơ hội kinh doanh bền vững tại Châu Á” của Ủy ban Kinh doanh và Phát triển bền vững, đến năm 2030, bên cạnh các lợi ích không nhỏ về xã hội và môi trường, phát triển bền vững có thể tạo ra một thị trường kinh doanh trị giá 5 nghìn tỷ USD cho khu vực, đồng thời đem lại thêm 230 triệu việc làm mới, tương đương 12% tổng số nhân lực lao động tại đây.

Dân số thế giới sẽ tăng thêm 30%, tức là khoảng 9 tỉ người vào năm 2050. Với các doanh nghiệp, sự tăng trưởng này sẽ tạo ra hàng tỉ người tiêu dùng mới.

Sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật công nghệ, đặc biệt là cách mạng công nghiệp 4.0.

Thách thức

Bên cạnh những cơ hội mới bao giờ cũng đi liền với những thách thức mới, cụ thể:

- + Sự bất ổn chính trị tại nhiều quốc gia.
- + Sự bùng nổ dân số cũng đang gây ra nhiều nguy cơ cho vấn đề an ninh lương thực trên phạm vi toàn cầu.
- + Biến đổi khí hậu. cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay những hiện tượng khí hậu cực đoan.
- + Tình trạng ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất đai do chất thải các loại từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Giảm thiểu khí thải carbon trên thế giới.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trước những thách thức và cơ hội đó, thì trọng trách của các bên liên quan ngày càng rõ nét và cấp thiết. Với các quốc gia, đó là việc phác họa ra bức tranh một thế giới bền vững bằng các chương trình, định hướng và mục tiêu chiến lược nhằm gắn kết nguồn lực để tạo ra bức tranh phát triển bền vững toàn cầu. Đối với các doanh nghiệp, đó là đồng hành cùng Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu, đồng hành cùng quốc gia trong việc bảo đảm tiến độ nhằm nhanh chóng đạt đến một thế giới bền vững. Đối với Petro Miền Trung, tiên phong trong việc triển khai các chiến lược, mục tiêu quốc gia, vững vàng đi đầu trong lộ trình Phát triển bền vững luôn là trọng tâm và mục tiêu chiến lược.

»» Các giải pháp đã triển khai

- + Thành lập Ban quản lý năng lượng, ban hành và xây dựng một số nội quy sử dụng trong Công ty nhằm buộc CBCNV phải có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện, nước đảm bảo cho việc tiết kiệm đi vào nề nếp, ổn định và lâu dài.
- + Kiểm soát và xử lý chất thải, nước thải.
- + Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.
- + Tiến hành đo đạc, kiểm tra để đánh giá chất lượng môi trường bên trong xưởng sản xuất và môi trường xung quanh theo định kỳ. Từ đó, đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhất để khắc phục ô nhiễm. Tần suất thực hiện: 6 tháng/lần.
- + Tiết kiệm năng lượng và nước.
- + Hoàn thiện phần cơ cấu quản lý và thực thi về phát triển bền vững.
- + Đánh giá toàn diện hiện trạng về lĩnh vực phát triển bền vững xuyên suốt toàn Công ty.
- + Tích hợp sâu rộng hơn nội dung phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh bổ sung/sửa đổi quy trình về đầu tư, nhà cung cấp...
- + Thay thế hệ thống chiếu sáng hiện tại bằng hệ thống đèn LED hiệu suất cao, giúp tiết kiệm đến 50% năng lượng.
- + Thay thế dần các máy lạnh cũ bằng máy sử dụng công nghệ Inverter tiết kiệm năng lượng, giúp tiết kiệm 30% lượng điện năng tiêu thụ.
- + Nghiên cứu phương án tối ưu vận chuyển khí đến khách hàng để tiết kiệm việc sử dụng nhiên liệu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

Báo cáo Tài chính Mẹ
Báo cáo Tài chính Hợp nhất





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03 – 05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 330.000.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi tỷ đồng*).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Thành viên
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Gia	Phó Tổng giám đốc
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Kim Huệ	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại : Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kết toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Nam, ngày 05 tháng 04 năm 2018

TM: Ban Tổng giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

Số: 62/2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung Việt Nam được lập ngày 09 tháng 04 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái. Giá gốc của khoản đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng tại ngày 31/12/2017 là 99.500.000.000 đồng. Vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng cũng như xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan đến khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến Kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Vaco kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2018-242-1

Trần Thị Yến Ngọc

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0926-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.908.079.654	178.015.163.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.003.778.987	6.088.916.593
1. Tiền	111	5.1	13.003.778.987	6.088.916.593
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.10	-	67.150.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	67.150.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.699.788.774	90.743.904.166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	91.709.160.124	20.433.939.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	33.276.929.650	61.648.452.500
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	713.699.000	8.661.512.622
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	19.319.333.614	12.450.259.169
1. Hàng tồn kho	141		19.319.333.614	12.450.259.169
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		885.178.279	1.582.083.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	596.223.653	305.938.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		215.174.737	1.202.365.437
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	73.779.889	73.779.889
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		544.817.855.098	444.807.062.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.986.818.848	13.083.900.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	20.986.818.848	13.083.900.000
II. Tài sản cố định	220		21.262.107.471	24.235.908.717
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	21.262.107.465	23.629.848.099
- Nguyên giá	222		39.809.917.326	39.745.324.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.547.809.861)	(16.115.475.990)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6	606.060.618
- Nguyên giá	228		1.818.181.818	1.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.818.181.812)	(1.212.121.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.7	94.327.181.818	-
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		173.769.048	173.769.048
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	173.769.048	173.769.048
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	271.850.812.391	281.336.886.355
1. Đầu tư vào công ty con	251		186.750.000.000	141.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	100.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		99.500.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(14.399.187.609)	(9.403.113.645)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	49.490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		136.217.165.522	125.976.598.425
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	136.217.165.522	125.976.598.425
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		703.725.934.752	622.822.226.269

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		312.541.341.419	259.671.199.118
I. Nợ ngắn hạn	310		224.465.674.180	195.658.861.576
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	62.843.176.216	48.526.812.303
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.470.284.058	9.460.276.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	5.134.286.694	5.892.418.264
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	16.301.649	9.354.500
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14.	150.001.625.563	131.770.000.000
II. Nợ dài hạn	330		88.075.667.239	64.012.337.542
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	63.890.969.239	64.012.337.542
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14.	24.184.698.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	391.184.593.333	363.151.027.151
I. Vốn chủ sở hữu	410		391.184.593.333	363.151.027.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		61.184.593.333	33.151.027.151
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.151.027.151	10.548.696.234
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.033.566.182	22.602.330.917
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		703.725.934.752	622.822.226.269

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	579.980.943.485	403.280.755.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.066.374.496	5.249.320.282
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		578.914.568.989	398.031.435.697
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	507.472.399.591	350.891.803.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.442.169.398	47.139.632.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.748.400.955	19.963.502.644
7. Chi phí tài chính	22	6.5	15.419.343.528	15.815.627.403
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.423.269.564	7.605.837.784
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	26.578.588.877	22.093.567.248
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.487.183.614	4.917.149.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.705.454.334	24.276.790.238
11. Thu nhập khác	31	6.6	8.384.141.502	4.190.641.397
12. Chi phí khác	32	6.7	38.110.487	171.614.391
13. Lợi nhuận khác	40		8.346.031.015	4.019.027.006
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.051.485.349	28.295.817.244
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	7.017.919.167	5.693.486.327
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28.033.566.182	22.602.330.917
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.11	850	1.507

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.051.485.349	28.295.817.244
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.122.485.382	3.000.159.648
- Các khoản dự phòng	03		4.996.073.964	7.551.670.968
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.868.855.491)	(19.958.462.944)
- Chi phí lãi vay	06		10.423.269.564	7.605.837.784
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.724.458.768	26.495.022.700
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.812.589.878)	(12.727.559.537)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.869.074.445)	(120.909.888)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.032.420.954	(35.492.916.777)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10.530.852.280)	(24.186.886.630)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.423.269.564)	(7.605.837.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.596.521.383)	(1.517.186.136)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	25.047.235.841
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.475.427.828)	(30.109.038.211)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(94.555.411.418)	(2.679.596.502)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(69.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		116.640.000.000	1.850.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(79.500.000.000)	(231.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.500.000.000	132.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.689.378.077	2.026.918.698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.026.033.341)	(167.052.677.804)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	150.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		419.900.754.579	301.308.364.119
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(377.484.431.016)	(255.700.347.048)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.416.323.563	195.608.017.071

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B 03 – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.914.862.394	(1.553.698.944)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.088.916.593	7.642.615.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		13.003.778.987	6.088.916.593

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thủy



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 330.000.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi tỷ đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;*
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh sau:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Tỉnh Bình Định
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	57,78%	Số 1A/8 đường Châu Văn Lồng, KP Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	95%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Nhãn hiệu hàng hóa	03 năm
--------------------	--------

4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ

hợp lý. Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 10 năm.

4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.12. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam. Công cụ tài chính

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.6

4.18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: kinh doanh thương mại khí hóa lỏng.

Khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu tại Quảng Nam, Bình Định, Quảng Trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	10.004.297.410	4.974.964.568
Tiền gửi ngân hàng	2.999.481.577	1.113.952.025
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	13.003.778.987	6.088.916.593

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	91.709.160.124	20.433.939.044
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	67.598.316.833	9.189.646.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	24.110.843.291	11.244.293.044
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	69.169.654.165	9.314.877.560
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Đức Trọng	472.907.195	120.131.560
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Đông Xuyên	36.400.000	-
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Phú Mỹ	3.400.000	5.100.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	1.058.630.137	-
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	67.598.316.833	9.189.646.000

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối năm	Đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	33.276.929.650	61.648.452.500
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	30.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Lãng	-	61.100.000.000
- Công ty TNHH Gas Miền Trung	-	548.452.500
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.276.929.650	-
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	30.000.000.000	61.100.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	30.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Lãng	-	61.100.000.000
- Công ty TNHH Gas Miền Trung	-	-

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	713.699.000	-	8.661.512.622	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	713.699.000	-	713.699.000	-
- Phải thu khác	-	-	7.947.813.622	-
Lãi cho vay phải thu	-	-	7.940.977.122	-
Các khoản khác	-	-	6.836.500	-
b) Dài hạn	20.986.818.848	-	13.083.900.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	20.986.818.848	-	13.083.900.000	-
+ Công ty TNHH Petronas	10.745.000.000	-	10.745.000.000	-
+ Công ty TNHH Gas Miền Trung	5.870.700.000	-	2.338.900.000	-
+ Các đơn vị khác	4.371.118.848	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

c) Phải thu khác là các bên liên quan

- Phải thu khác		7.940.977.122
+ Ông Nguyễn Tiến Lãng, bà Nguyễn Thị Bích Thủy		7.940.977.122
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	6.426.100.000	2.338.900.000
+ Công ty TNHH Gas Miền Trung	5.870.700.000	2.338.900.000
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	555.400.000	-

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.175.580.775	-	1.667.704.970	-
Hàng hóa	18.143.752.839	-	10.782.554.199	-
Cộng	19.319.333.614	-	12.450.259.169	-

5.6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Công trình văn phòng chi nhánh Huế	173.769.048	173.769.048
Cộng	173.769.048	173.769.048

5.7 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư, nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá		94.327.181.818		94.327.181.818
Quyền sử dụng đất		89.200.704.545		89.200.704.545
Nhà		5.126.477.273		5.126.477.273
Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Quyền sử dụng đất				
Nhà				
Giá trị còn lại		94.327.181.818		94.327.181.818
Quyền sử dụng đất		89.200.704.545		89.200.704.545
Nhà		5.126.477.273		5.126.477.273

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN
Đơn vị tính: VND

5.8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.368.765.148	21.943.667.113	6.835.705.257	554.731.571	42.455.000	39.745.324.089
Tăng trong năm	-	228.229.600	-	-	-	228.229.600
- <i>Mua trong năm</i>	-	228.229.600	-	-	-	228.229.600
Giảm trong năm	-	-	163.636.363	-	-	163.636.363
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>	-	-	163.636.363	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.368.765.148	22.171.896.713	6.672.068.894	554.731.571	42.455.000	39.809.917.326
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.538.828.812	11.136.498.748	1.192.296.467	222.850.695	25.001.268	16.115.475.990
Tăng trong năm	574.753.968	1.166.555.249	704.703.129	67.582.092	2.830.332	2.516.424.770
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	574.753.968	1.166.555.249	704.703.129	67.582.092	2.830.332	2.516.424.770
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	84.090.899	-	-	84.090.899
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>	-	-	84.090.899	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.113.582.780	12.303.053.997	1.812.908.697	290.432.787	27.831.600	18.547.809.861
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	6.829.936.336	10.807.168.365	5.643.408.790	331.880.876	17.453.732	23.629.848.099
2. Tại ngày cuối năm	6.255.182.368	9.868.842.716	4.859.160.197	264.298.784	14.623.400	21.262.107.465

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 23.660.412.826 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 904.295.203 VND

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	1.818.181.818	-	-	1.818.181.818
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.818.181.818	-	-	1.818.181.818
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	1.212.121.200	-	-	1.212.121.200
Tăng trong năm	-	-	606.060.612	-	-	606.060.612
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	-	-	606.060.612	-	-	606.060.612
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.818.181.812	-	-	1.818.181.812
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	606.060.618	-	-	606.060.618
2. Tại ngày cuối năm	-	-	6	-	-	6

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm		Đầu năm		Giá trị hợp lý	Giá gốc	Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn							
Ngắn hạn							
Ông Nguyễn Tiến Lãng, Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	67.150.000.000	-	67.150.000.000	67.150.000.000	116.640.000.000
Dài hạn							
Ông Nguyễn Tiến Lãng, Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	49.490.000.000	-	49.490.000.000	49.490.000.000	49.490.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Đầu tư vào Công ty con							
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	286.250.000.000	(14.399.187.609)	186.750.000.000	(14.399.187.609)	(*)	241.250.000.000	(9.403.113.645)
+ Công ty TNHH Trung Nam	130.000.000.000	(14.396.681.511)	9.750.000.000	(2.506.098)	(*)	141.250.000.000	(184.470.525)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	9.750.000.000	(2.506.098)	-	-	(*)	14.250.000.000	(184.470.525)
+ Công ty TNHH Gas Miền Trung	47.000.000.000	-	-	-	(*)	80.000.000.000	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết							
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	-	-	-	-	(*)	47.000.000.000	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	99.500.000.000	-	99.500.000.000	-	(*)	100.000.000.000	(9.218.643.120)
	99.500.000.000	-	99.500.000.000	-	(*)	100.000.000.000	(9.218.643.120)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Thông tin chi tiết của công ty con, công ty liên kết, liên doanh trong năm:

Công ty con	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Tình hình kinh doanh
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Số 1A/8 đường Châu Văn Lông, Khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	57,78%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Kinh doanh lỗ	
Công ty TNHH Gas Miền Trung	Lô số 6, KCN Điện Nam, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	94%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Kinh doanh có lãi	
Công ty TNHH Trung Nam	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, Quận 12 thành phố Hồ Chí Minh	65%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Kinh doanh có lãi	
Đầu tư góp vốn đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại V-Gas)	Số 1A/8 đường Châu Văn Lông, Khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	14,42%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	Kinh doanh có lãi	

(*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.5.iv - Giá trị hợp lý

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	596.223.653	305.938.470
- Các khoản khác	596.223.653	305.938.470
b) Dài hạn	136.217.165.522	125.976.598.425
- Chi phí vô bình phân bổ	109.244.957.688	95.802.437.362
- Chi phí kiểm định vô bình	3.714.828.782	3.586.762.577
- Chi phí bảo dưỡng vô bình	2.365.038.833	2.514.661.834
- Chi phí mua thương hiệu	19.696.969.680	22.424.242.416
- Chi phí dài hạn khác	1.195.370.539	1.648.494.236
Cộng	136.813.389.175	126.282.536.895

5.12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	62.843.176.216	62.843.176.216	48.526.812.303	48.526.812.303
- Công ty TNHH Gas Miền Trung	8.981.946.797	8.981.946.797	4.435.387.559	4.435.387.559
- Công ty CP Kinh doanh khí Miền Nam, chi nhánh Miền Đông	31.527.432.823	31.527.432.823	21.817.551.349	21.817.551.349
- Chi nhánh Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	20.541.790.551	20.541.790.551	13.681.255.576	13.681.255.576
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.792.006.045	1.792.006.045	8.592.617.819	8.592.617.819
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	8.983.965.665	8.983.965.665	4.435.688.519	4.435.688.519
- Công ty TNHH Gas Miền Trung	8.981.946.797	8.981.946.797	4.435.387.559	4.435.387.559
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	2.018.868	2.018.868	300.960	300.960

5.13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.470.284.058	6.470.284.058	9.460.276.509	9.460.276.509
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	6.356.545.854	6.356.545.854	4.545.918.729	4.545.918.729
- Công ty TNHH Tân Nhà Việt	-	-	3.147.812.749	3.147.812.749
- Đối tượng khác	113.738.204	113.738.204	1.766.545.031	1.766.545.031
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	6.356.545.854	6.356.545.854	4.545.918.729	4.545.918.729

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	150.001.625.563	150.001.625.563	383.980.754.579	365.749.129.016	131.770.000.000	131.770.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương, chi nhánh Quảng Nam (1)	35.800.000.000	35.800.000.000	105.550.000.000	117.990.000.000	48.240.000.000	48.240.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hội An (2)	82.730.000.000	82.730.000.000	188.880.000.000	159.730.000.000	53.580.000.000	53.580.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (3)	2.354.301.563	2.354.301.563	18.705.452.579	16.351.151.016	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng (4)	21.830.000.000	21.830.000.000	59.110.000.000	67.230.000.000	29.950.000.000	29.950.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (5)	7.287.324.000	7.287.324.000	11.735.302.000	4.447.978.000	-	-
b) Vay dài hạn	24.184.698.000	24.184.698.000	35.920.000.000	11.735.302.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (5)	24.184.698.000	24.184.698.000	35.920.000.000	11.735.302.000	-	-
Cộng	174.186.323.563	174.186.323.563	419.900.754.579	377.484.431.016	131.770.000.000	131.770.000.000

(1) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 6500H1/17013/NHNT ngày 10/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay 21.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày HĐ có hiệu lực. Thời hạn cho vay: 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ từng lần rút vốn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, công trình gắn liền với đất và dây chuyền máy móc theo (01) HĐ thế chấp số 006/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BDDG tài sản số 031/BDDG ngày 10/04/2017; (02) HĐ thế chấp số 007/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BDDG tài sản số 032/BDDG ngày 10/04/2017; (03) HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 018/2016/VCB.QNA ngày 18/03/2016 thế chấp tài sản của bên thứ 3 bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thùy tại 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

5.14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1786362/HĐTD ngày 16/06/2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hội An. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 16/06/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất cho vay: Xác định trong từng HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là xe ô tô các loại, bồn chứa khí gas hóa lỏng các loại theo HĐ thế chấp số 02/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/05/2014. BB định giá ngày 18/06/2016 và PLHĐ thế chấp số 03/2054/1786362/HĐBĐ ngày 19/06/2015

(3) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.542.220317 ngày 10/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND. Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.565.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu. Hạn mức thấu chi 5.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký. Lãi suất thấu chi: 7%/năm. Thời hạn cho vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ 3 là bất động sản 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK.BDDN.79.080217.

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016-HĐTDH/NHCT480- PETRO MIEN TRUNG ngày 29/11/2016 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay 30.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày 29/11/2016 đến ngày 29/11/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản nợ. Lãi suất cho vay: Xác định trong HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng (1) các giấy tờ có giá: theo HĐ cầm có giấy tờ có giá số 01/2015-HĐCC-NHCT 480- PETRO MIEN TRUNG ngày 23/10/2015 và HĐ cầm có giấy tờ có giá số 02/2015-HĐCC-NHCT 480 PETRO MIEN TRUNG ngày 16/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy; (2) vỏ bình gas 12kg và 45kg, thép sản xuất vô bình và đệm van theo HĐ thế chấp bất động sản số 01/2015/HĐTC/NHCT 480-PETRO MIEN TRUNG.

(5) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.552.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 40.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn hỗ trợ tài chính. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ ba là bất động sản tại 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK.BDDN.79.080217.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	5.892.418.264	9.284.864.905	10.042.996.475	5.134.286.694
- Thuế GTGT	235.667.111	2.266.945.738	2.446.475.092	56.137.757
- Thuế TNDN	5.656.751.153	7.017.919.167	7.596.521.383	5.078.148.937
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế thu nhập cá nhân	73.779.889	-	-	73.779.889

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	16.301.649	9.354.500
- Kinh phí công đoàn	14.265.349	-
- Phải trả, phải nộp khác	2.036.300	9.354.500
b) Dài hạn	63.890.969.239	64.012.337.542
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	63.890.969.239	64.012.337.542
c) Phải trả khác là các bên liên quan		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	-	-	-	-	10.548.696.234	190.548.696.234
Tăng vốn năm trước	150.000.000.000						150.000.000.000
Lãi trong năm trước						22.602.330.917	22.602.330.917
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước	330.000.000.000	-	-	-	-	33.151.027.151	363.151.027.151
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						28.033.566.182	28.033.566.182
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ do hoán nhập trong năm nay							
Giảm khác							
Số dư cuối năm	330.000.000.000	-	-	-	-	61.184.593.333	391.184.593.333

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	330.000.000.000	330.000.000.000
Cộng		330.000.000.000	330.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	330.000.000.000	180.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		150.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	330.000.000.000	330.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

5.18 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	579.980.943.485	403.280.755.979
- Doanh thu bán hàng	576.549.300.426	401.558.212.208
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.431.643.059	1.722.543.771
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	260.298.597.162	161.114.746.605
- Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	164.906.128.978	161.114.746.605
- Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	95.392.468.184	

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	1.066.374.496	5.114.278.621
Giảm giá hàng bán	-	135.041.661
Cộng	1.066.374.496	5.249.320.282

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của hàng đã bán	507.472.399.591	350.891.803.635
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	505.777.384.609	350.375.643.838
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.695.014.982	1.168.918.448
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(652.758.651)
Cộng	507.472.399.591	350.891.803.635
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	3.748.400.955	7.958.462.944
Lãi bán các khoản đầu tư		12.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	5.039.700
Cộng	3.748.400.955	19.963.502.644
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	10.423.269.564	7.605.837.784
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	5.360.000
Trích lập dự phòng khoản đầu tư	4.996.073.964	8.204.429.619
Cộng	15.419.343.528	15.815.627.403
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	120.454.536	-
- Tiền lãi chậm thanh toán	1.861.519.815	1.037.238
- Phân bổ cược vỏ bình gas	6.402.167.151	4.189.604.159
Cộng	8.384.141.502	4.190.641.397
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
- Các khoản khác	38.110.487	171.614.391
Cộng	38.110.487	171.614.391
6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	6.487.183.614	4.917.149.817
Chi phí nhân viên	3.156.542.305	2.770.357.700
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	274.763.607	279.452.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.830.889	524.916.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.252.078.549	987.103.453
Chi phí bằng tiền khác	1.298.968.264	355.319.208
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	26.578.588.877	22.093.567.248
Chi phí nhân viên	1.189.800.817	830.233.200
Chi phí phân bổ vỏ bình, thương hiệu	18.908.266.720	13.701.319.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.179.004.589	2.036.592.996
Chi phí bảo hành	1.787.528.783	3.743.627.008
Chi phí bán hàng khác	2.513.987.968	1.781.794.596
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.442.021.912	1.336.657.353
Chi phí nhân công	5.545.012.002	5.226.140.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.122.485.382	3.000.159.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.450.035.633	15.655.649.388
Chi phí bằng tiền khác	3.812.956.232	2.961.028.224
Cộng	36.372.511.161	28.179.635.513

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.051.485.349	28.295.817.244
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.110.487	171.614.391
+ Chi phí không được trừ	38.110.487	171.614.391
Tổng thu nhập chịu thuế	35.089.595.836	28.467.431.635
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	7.017.919.167	5.693.486.327
6.11 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	28.033.566.182	22.602.330.917
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	850	1.507

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

8.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

- Ngày 31/03/2017, Công ty mua thêm 30.000.000.000 đồng vốn góp tại Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas (sau đây gọi tắt là V-Gas) tương ứng với 3.000.000 cổ phần của bà Nguyễn Thị Bích Thủy. Tổng số vốn góp tính đến 31/03/2017 của Công ty vào V-Gas là 130.000.000.000 đồng, chiếm 57,78%. Sau thời điểm này, Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas trở thành công ty con của Công ty.

- Ngày 31/03/2017, Công ty chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần tương đương 30.000.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái (sau đây gọi tắt là Việt Thái) và ngày 30/06/2017, Công ty góp thêm 49.500.000.000 đồng vốn vào Việt Thái theo Nghị quyết số 01/17/QĐ ngày 25/03/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tổng số vốn góp tính đến 30/06/2017 của Công ty vào Việt Thái là 99.500.000.000 đồng, chiếm 14,42% vốn điều lệ của Việt Thái. Sau thời điểm này, khoản đầu tư vào Việt Thái từ đầu tư vào công ty con thành khoản đầu tư khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8.4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm nay

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)

CHỈ TIÊU	BÌNH ĐỊNH	QUẢNG NAM	QUẢNG TRỊ	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	35.550.454.645	453.075.128.924	91.355.359.916	579.980.943.485
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	226.212.682	840.161.814	1.066.374.496
Giá vốn hàng bán	34.128.999.537	385.811.360.987	87.532.039.067	507.472.399.591
Lợi nhuận gộp	1.421.455.108	67.037.555.255	2.983.159.035	71.442.169.398
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				94.555.411.418
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				3.122.485.382

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí, các hoạt động khác chiếm tỉ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó, công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8.5 . Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017	105.426.638.111	307.236.818.848	412.663.456.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.003.778.987	-	13.003.778.987
Phải thu khách hàng	91.709.160.124	-	91.709.160.124
Đầu tư	-	286.250.000.000	286.250.000.000
Phải thu khác	713.699.000	20.986.818.848	21.700.517.848
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:	-	(14.399.187.609)	(14.399.187.609)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(14.399.187.609)	(14.399.187.609)
Tổng cộng	105.426.638.111	292.837.631.239	427.062.644.568
Ngày 31/12/2017			
Các khoản vay và nợ	150.001.625.563	24.184.698.000	174.186.323.563
Phải trả người bán	62.843.176.216	-	62.843.176.216
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.301.649	63.890.969.239	63.907.270.888
Tổng cộng	212.861.103.428	88.075.667.239	300.936.770.667
Chênh lệch thanh khoản thuần	(107.434.465.317)	204.761.964.000	126.125.873.901

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2017	102.334.368.259	303.823.900.000	406.158.268.259
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.088.916.593	-	6.088.916.593
Phải thu khách hàng	20.433.939.044	-	20.433.939.044
Đầu tư	67.150.000.000	290.740.000.000	357.890.000.000
Phải thu khác	8.661.512.622	13.083.900.000	21.745.412.622
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:	-	(9.403.113.645)	(9.403.113.645)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(9.403.113.645)	(9.403.113.645)
Tổng cộng	102.334.368.259	294.420.786.355	415.561.381.904
Ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	131.770.000.000	-	131.770.000.000
Phải trả người bán	48.526.812.303	-	48.526.812.303
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	9.354.500	64.012.337.542	64.021.692.042
Tổng cộng	180.306.166.803	64.012.337.542	244.318.504.345
Chênh lệch thanh khoản thuần	(77.971.798.544)	230.408.448.813	171.242.877.559

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	116.640.000.000
Các khoản cho vay và phải thu	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.409.677.972	42.179.351.666
Tài sản tài chính khác	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	271.850.812.391	231.846.886.355
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.003.778.987	6.088.916.593
Tổng cộng	398.264.269.350	396.755.154.614
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	174.186.323.563	131.770.000.000
Phải trả người bán	62.843.176.216	48.526.812.303
Phải trả khác	63.907.270.888	64.021.692.042
Tổng cộng	300.936.770.667	244.318.504.345

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

8.6 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Cổ đông, thành viên lãnh đạo chủ chốt
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Cổ đông, thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	Công ty nhận vốn góp

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	Giá trị
Ông Nguyễn Tiến Lãng và Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Thanh toán tiền mua đất		92.000.000.000
	Phải trả tiền mua đất		92.000.000.000
	Thu lại tiền mua đất		61.100.000.000
	Thu lại tiền hợp tác đầu tư		116.640.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas, chi nhánh Đức Trọng	Thu tiền hàng		31.400.936.421
	Thu tiền hàng		20.825.200.000
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas chi nhánh Phú Mỹ	Thu tiền hàng		6.800.000
	Thu tiền hàng		47.260.000.000
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Nhận ký cược vỏ bình		1.969.400.000
	Thu tiền hàng		183.207.369.000
Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Thuê thương hiệu, ký cược vỏ bình		618.972.133
	Thanh toán tiền thuê thương hiệu		617.254.225
	Thu tiền bán cổ phần của bà Nguyễn Thị Bích Thuý		15.000.000.000
	Thu tiền bán cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Trang		15.000.000.000
	Ký cược vỏ bình		555.400.000
Công ty TNHH Gas Miền Trung	Thanh toán tiền hàng		186.691.725.000
	Ký cược vỏ bình		3.531.800.000
	Nhận ký cược vỏ bình		1.619.320.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	Thu tiền bán phần vốn góp		30.000.000.000
	Góp vốn		49.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Công ty TNHH Trung Nam	Thu tiền bán phần vốn góp tại Công ty TNHH Trung Nam cho bà Nguyễn Thị Thanh Trang	4.500.000.000
------------------------	--	---------------

b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Bà Nguyễn Thị Bích Thuý	Tổng Giám đốc	152.800.000
Tổng cộng		152.800.000

Ngoài ra, các thành viên khác trong HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc không có thu nhập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung.

8.7 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thương

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thuý



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03 – 05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 330.000.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi tỷ đồng*).

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc của Công ty trong suốt tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Gia	Phó Tổng giám đốc
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Kim Huệ	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại : Lô 04, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty có công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	57,78%	Số 1A/8 đường Châu Văn Lồng, KP Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	95%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018



Nguyễn Thị Bích Thùy

Số: 63/2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung Việt Nam được lập ngày 09 tháng 04 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái. Giá gốc của khoản đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2017 là 137.000.000.000 đồng. Vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng cũng như xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan đến khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến Kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Vaco kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162- 2018-242-1

Trần Thị Yến Ngọc

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0926-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.670.499.341	397.990.591.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.628.439.242	31.349.149.576
1. Tiền	111	5.1	32.628.439.242	31.349.149.576
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.8	-	67.150.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	67.150.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.222.716.950	269.639.082.861
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	138.313.514.746	31.386.433.627
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	38.200.028.176	63.165.313.702
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	164.935.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	3.164.645.000	10.152.335.532
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.7	(1.455.470.972)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	34.268.535.845	15.458.690.377
1. Hàng tồn kho	141		34.268.535.845	15.458.690.377
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.550.807.304	14.393.668.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	1.862.442.283	813.613.646
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.610.979.017	13.502.669.026
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	77.386.004	77.386.004
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.006.506.795.826	579.853.112.083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.4	61.473.763.254	103.613.200.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		61.473.763.254	103.613.200.000
II. Tài sản cố định	220		207.770.893.622	30.274.560.392
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	207.293.620.888	29.617.994.721
- Nguyên giá	222		277.947.480.489	58.886.027.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.653.859.601)	(29.268.032.509)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	477.272.734	656.565.671
- Nguyên giá	228		4.636.363.636	2.727.272.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.159.090.902)	(2.070.707.056)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	94.327.181.818	-
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.6	165.642.817.102	128.239.271.529
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		165.642.817.102	128.239.271.529
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	137.000.000.000	140.271.356.880
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	90.781.356.880
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		137.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	49.490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		340.292.140.030	177.454.723.282
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	330.694.409.559	177.168.921.641
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		155.224.666	-
3. Lợi thế thương mại	269	5.13	9.442.505.805	285.801.641
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.278.177.295.167	977.843.703.573

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		773.251.993.661	541.617.000.575
I. Nợ ngắn hạn	310		522.270.791.319	386.633.452.176
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	169.622.409.282	125.364.848.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.068.015.542	11.691.213.113
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	6.777.825.024	7.249.182.995
4. Phải trả người lao động	314		656.221.624	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		214.208.947	156.782.999
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	6.215.069.825	857.609.535
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.	329.701.625.563	241.298.400.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.415.512	15.415.512
II. Nợ dài hạn	330		250.981.202.342	154.983.548.399
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.14	77.299.000.000	77.486.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	108.951.384.806	73.154.461.456
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.	59.388.515.800	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.342.301.736	4.343.086.943
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		504.925.301.506	436.226.702.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	504.925.301.506	436.226.702.998
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		81.124.435.941	32.283.290.231
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.283.290.231	9.817.019.359
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.841.145.710	22.466.270.872
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.20	93.800.865.565	73.943.412.767
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.278.177.295.167	977.843.703.573

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Lâm

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Bích Thùy



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Mẫu số B 02 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	919.620.002.905	468.923.179.068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	39.896.421.626	21.660.310.553
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		879.723.581.279	447.262.868.515
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	727.110.771.712	367.366.438.235
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.612.809.567	79.896.430.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	18.362.791.862	32.758.075.734
7. Chi phí tài chính	22	6.5	25.470.989.565	18.576.862.479
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.399.701.525	18.576.862.479
8. Lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		1.512.466.841	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	73.927.617.361	44.963.985.954
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	24.466.574.439	19.841.776.270
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.622.886.905	29.271.881.311
12. Thu nhập khác	31	6.6	12.231.850.081	7.296.309.053
13. Chi phí khác	32	6.7	2.591.452.346	3.661.031.731
14. Lợi nhuận khác	40		9.640.397.735	3.635.277.322
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.263.284.640	32.907.158.633
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	10.900.432.626	6.252.240.898
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	843.990.127	4.226.335.156
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		46.518.861.887	22.428.582.579
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ			48.841.187.255	22.453.346.139
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát			(2.322.325.368)	(24.763.560)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.480	1.145

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Lâm

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Bích Thùy



Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TẾ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2017

Mẫu số B 03 – DN/HN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.263.284.640	32.907.158.633
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		17.869.414.262	20.393.856.339
- Các khoản dự phòng	03		1.100.000	(652.758.651)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(133.161.960)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.682.992.233)	(9.587.088.631)
- Chi phí lãi vay	06		25.399.701.525	18.526.139.729
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.717.346.234	61.587.307.419
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45.643.858.429	(111.753.640.816)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.491.302.955)	6.740.858.465
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.578.356.405)	95.235.346.067
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(37.578.961.223)	(14.394.509.820)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.399.701.525)	(18.526.139.729)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.080.446.977)	(1.517.186.136)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	329.482.647.598
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	114.945.973.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.232.435.578	231.908.709.247
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(145.855.694.609)	(135.954.585.866)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(219.585.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		277.575.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(237.449.702.096)	(90.781.356.880)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		36.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.321.134.840	8.509.711.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.209.261.865)	(437.811.231.474)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TẾ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2017

Mẫu số B 03 – DN/HN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	150.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		915.808.298.219	495.514.377.119
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(890.552.182.266)	(417.146.360.048)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.256.115.953	228.368.017.071
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.279.289.666	22.465.494.844
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.349.149.576	8.883.654.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		32.628.439.242	31.349.149.576

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

 Ông Giám đốc

 Nguyễn Thị Bích Thủy

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 25/11/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 330.000.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi tỷ đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;*
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh sau:

STT	Chi nhánh	Địa bàn
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Tỉnh Bình Định
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	57,78%	Số 1A/8 đường Châu Văn Lồng, KP Long Điền phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	94%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 – DN/HN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 – DN/HN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty TNHH Gas Miền Trung (Công ty con), Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas (Công ty con), Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Gas Miền Trung, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Kết quả kinh doanh hợp nhất được tổng hợp từ kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả kinh doanh của các Công ty con bao gồm:

Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas từ ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (ngày bắt đầu kiểm soát là ngày 31 tháng 03 năm 2017).

Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty TNHH Gas Miền Trung từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Trung Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 – DN/HN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	10 – 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Thương hiệu sản phẩm	03 năm
----------------------	--------

4.8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 – DN/HN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 10 năm.

4.9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 – DN/HN
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.6

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: kinh doanh thương mại khí hóa lỏng.

Khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Trung và miền Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) Mẫu số B 09 - DN/HN
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	15.293.255.588	-	9.618.332.158	-
Tiền gửi ngân hàng	17.335.183.654	-	21.730.817.418	-
Tiền đang chuyển	-	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Cộng	32.628.439.242	-	31.349.149.576	-

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	138.313.514.746	-	31.386.433.627	-
- Công ty TNHH Dầu khí Xanh	3.109.299.718	-	775.611.561	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Hiệp Lợi	5.965.909.318	-	-	-
- DNTN Tân Nhà Việt	-	-	7.094.697.497	-
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm Miền Trung	-	-	2.514.147.062	-
- Doanh nghiệp tư nhân LPG Huy Hà	-	-	2.489.643.000	-
- DNTN Dịch vụ Gas Hạnh Nguyên	-	-	2.400.321.000	-
- Công ty TNHH Trung Hiếu	-	-	2.250.532.589	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	129.238.305.710	-	13.861.480.918	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-
- Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	742.837.437	-	742.837.437	-

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	38.200.028.176	-	63.165.313.702	-
- Ông Nguyễn Tiến Lãng, Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	-	-	61.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	30.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Saiko	2.977.776.399	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Bạch Hổ	2.330.000.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.892.251.777	-	2.065.313.702	-
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	30.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	30.000.000.000	-	-	-

5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY, PHẢI THU KHÁC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.164.645.000	-	175.087.335.532	-
- Tạm ứng	56.607.627	-	1.459.940.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	713.699.000	-	713.699.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	288.951.571	-	-	-
- Cho vay	-	-	164.935.000.000	-
- Phải thu khác	2.105.386.802	-	7.978.696.532	-
<i>Lãi cho vay phải thu</i>	-	-	7.940.977.122	-
<i>Thuế GTGT nhà thầu- Công ty HK Rongwei Technology</i>	741.801.094	-	-	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.363.585.708	-	37.719.410	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY, PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b) Dài hạn	61.473.763.254	-	103.613.200.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	24.501.545.254	-	24.223.200.000	-
<i>Công ty TNHH Petronas Việt Nam</i>	10.745.000.000	-	10.745.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam- chi nhánh Miền Trung</i>	9.437.500.000	-	9.437.500.000	-
<i>Đối tượng khác</i>	4.319.045.254	-	4.040.700.000	-
- Phải thu dài hạn khác	36.972.218.000	-	79.390.000.000	-
<i>Lãi cho vay bà Nguyễn Thị Bích Thủy</i>	182.218.000	-	-	-
<i>Nguyễn Thị Bích Thủy (*)</i>	36.790.000.000	-	79.390.000.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	37.684.851.535	-	244.325.000.000	-
- Phải thu về cho vay	-	-	164.935.000.000	-
<i>Ông Nguyễn Tiến Lãng</i>	-	-	164.935.000.000	-
- Phải thu khác	37.684.851.535	-	79.390.000.000	-
<i>Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam</i>	712.633.535	-	-	-
<i>Bà Nguyễn Thị Bích Thủy</i>	36.972.218.000	-	79.390.000.000	-

(*) Theo thoả thuận ngày 30/04/2016 giữa Công ty TNHH Gas Miền Trung (Bên A) và bà Nguyễn Thị Bích Thủy (Bên B), Bên A sẽ chuyển cho bên B số tiền 79.390.000.000 VND để Bên B hỗ trợ Bên A trong việc mua bán, làm thủ tục bảo đảm để mở LC nhập khẩu bồn Gas tại dự án cảng Tam Hiệp. Sau khi kết thúc hợp đồng mua bán Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho Bên A.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, bà Nguyễn Thị Bích Thủy đã hoàn trả toàn bộ số tiền 36.790.000.000 đồng cho Công ty.

5.5 . HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	8.631.920.959	-	1.667.704.970	-
Công cụ, dụng cụ	30.490.875	-	1.883.318.181	-
Chi phí SXKD dở dang	107.428.607	-	-	-
Thành phẩm nhập kho	1.054.317.871	-	-	-
Hàng hóa	24.444.377.533	-	11.907.667.226	-
Cộng	34.268.535.845	-	15.458.690.377	-

5.6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Công trình kho chứa tại cảng Tam Hiệp (*)	165.469.048.054	128.065.502.481
+ Văn phòng tại chi nhánh Huế	173.769.048	173.769.048
Cộng	165.642.817.102	128.239.271.529

(*) Chi phí đầu tư xây dựng dự án kho chứa chiết nạp Gas tại Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 33321000130 cấp lần đầu ngày 10/04/2015, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/11/2015. Tổng mức đầu tư của dự án là 200 tỷ đồng, thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 10/04/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.7 . NỢ XẤU

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu ngắn hạn	742.837.437	-	742.837.437	-
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - CN Lâm Đồng	712.633.535	-	712.633.535	-
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	-	-	-	-
Cộng	1.455.470.972	-	1.455.470.972	-

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Cuối năm		Giá trị hợp lý	Giá gốc	Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng			Dự phòng	Dự phòng	
a) Chứng khoán kinh doanh							
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn							
b1) Ngắn hạn							
- Các khoản đầu tư khác				116.640.000.000			116.640.000.000
b2) Dài hạn				67.150.000.000			67.150.000.000
- Các khoản đầu tư khác				67.150.000.000			67.150.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				49.490.000.000			49.490.000.000
- Đầu tư vào Công ty con				49.490.000.000			49.490.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				90.781.356.880			(*)
+ Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas				90.781.356.880			(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				137.000.000.000			(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái (i)				137.000.000.000			(*)

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại V - Gas

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái trong năm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	Số 1A/8 đường Châu Văn Lông, khu phố Long Diêm, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	19,86%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	690.000.000.000

(*) Xem Bản thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.5.iv - Giá trị hợp lý

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm	12.535.035.120	25.136.149.582	20.579.693.957	592.693.571	42.455.000	58.886.027.230	
Tăng trong năm	38.315.956.801	166.699.107.007	14.210.025.814	8.693.297.072		219.225.089.622	
- Mua trong năm		5.431.670.146	8.693.297.072			14.124.967.218	
- Tăng do hợp nhất	38.315.956.801	161.267.436.861	5.516.728.742			205.100.122.404	
Giảm trong năm			163.636.363			163.636.363	
- Thanh lý, nhượng bán			163.636.363			163.636.363	
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	50.850.991.921	191.835.256.589	34.626.083.408	592.693.571	42.455.000	277.947.480.489	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	5.015.266.219	13.927.045.364	10.044.652.213	256.067.445	25.001.268	29.268.032.509	
Tăng trong năm	4.790.145.533	33.343.319.163	3.261.295.621	72.327.342	2.830.332	41.469.917.991	
- Số khấu hao trong năm	2.584.949.424	15.603.343.307	2.612.727.422	72.327.342	2.830.332	20.876.177.827	
- Tăng khác do hợp nhất	2.205.196.109	17.739.975.856	648.568.199			20.593.740.164	
Giảm trong năm			84.090.899			84.090.899	
- Thanh lý, nhượng bán			84.090.899			84.090.899	
Số dư cuối năm	9.805.411.752	47.270.364.527	13.221.856.935	328.394.787	27.831.600	70.653.859.601	

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm	7.519.768.901	11.209.104.218	10.535.041.744	336.626.126	17.453.732	29.617.994.721
2. Tại ngày cuối năm	41.045.580.169	144.564.892.062	21.404.226.473	264.298.784	14.623.400	207.293.620.888

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 10.209.050.880 VND

Nguyên giá tài sản cố định mang đi cầm cố, kỳ cược kỳ quỹ: 222.340.409.429 VND

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	2.727.272.727	2.727.272.727
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.909.090.909	1.909.090.909
- <i>Tăng do hợp nhất</i>	-	-	-	-	1.909.090.909	1.909.090.909
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	4.636.363.636	4.636.363.636
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	2.070.707.056	2.070.707.056
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.088.383.846	2.088.383.846
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	-	-	-	-	1.292.929.301	1.292.929.301
- <i>Tăng do hợp nhất</i>	-	-	-	-	795.454.545	795.454.545
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	4.159.090.902	4.159.090.902
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	656.565.671	656.565.671
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	477.272.734	477.272.734

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5.11 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư, nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá		94.327.181.818		94.327.181.818
<i>Quyền sử dụng đất</i>		89.200.704.545		89.200.704.545
<i>Nhà</i>		5.126.477.273		5.126.477.273
<i>Cơ sở hạ tầng</i>				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
<i>Quyền sử dụng đất</i>				
<i>Nhà</i>				
Giá trị còn lại		94.327.181.818		94.327.181.818
<i>Quyền sử dụng đất</i>		89.200.704.545		89.200.704.545
<i>Nhà</i>		5.126.477.273		5.126.477.273

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5.12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí sơn sửa vỏ bình
- Các khoản khác

b) Dài hạn

- Chi phí kiểm định vỏ bình
- Chi phí mua thương hiệu
- Chi phí vỏ bình phân bổ
- Chi phí bảo dưỡng vỏ bình
- Các khoản khác

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
1.862.442.283	813.613.646	
143.152.863	236.809.999	
84.389.231	105.162.856	
917.062.887	336.104.251	
717.837.302	135.536.540	
330.694.409.559	177.168.921.641	
5.971.901.828	6.533.659.237	
26.060.606.044	32.424.242.416	
295.819.275.449	133.180.827.377	
2.365.038.833	2.514.661.834	
477.587.405	2.515.530.777	
332.556.851.842	177.982.535.287	

5.13 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Số dư đầu năm

- Phát sinh tăng
- Phân bổ vào chi phí trong năm
- Số dư cuối năm**

Số năm nay
285.801.641
10.018.028.637
861.324.473
9.442.505.805

Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con

Công ty TNHH Trung Nam	175.829.316
Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas	9.266.676.489
Cộng	9.442.505.805

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	169.622.409.282	169.622.409.282	125.364.848.022	125.364.848.022
- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam, chi nhánh Miền Đông	138.363.878.719	138.363.878.719	83.544.027.218	83.544.027.218
- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam chi nhánh Miền Trung	7.983.586.182	7.983.586.182	8.100.558.432	8.100.558.432
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam, Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	20.541.790.551	20.541.790.551	13.681.255.576	13.681.255.576
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.733.153.830	2.733.153.830	20.039.006.796	20.039.006.796
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	77.299.000.000	77.299.000.000	77.486.000.000	77.486.000.000
- TAIZHOU CITY HUALIAN FOREIGN TRADE CO.,Ltd	77.299.000.000	77.299.000.000	77.486.000.000,00	77.486.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam, Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	20.541.790.551	20.541.790.551	13.681.255.576	13.681.255.576

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.068.015.542	9.068.015.542	11.691.213.113	11.691.213.113
- Công ty TNHH Tân Nhà Việt	4.724.117.503	4.724.117.503	3.147.812.749	3.147.812.749
- Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Vinh Quang	2.035.022.000	2.035.022.000	1.534.557.001	1.534.557.001
- Đối tượng khác	2.308.876.039	2.308.876.039	7.008.843.363	7.008.843.363
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	1.765.000.000	1.765.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	329.701.625.563	329.701.625.563	993.955.407.829	905.552.182.266	241.298.400.000	241.298.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển, chi nhánh Hội An (1)	198.430.000.000	198.430.000.000	602.626.253.250	514.164.653.250	109.968.400.000	109.968.400.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương, chi nhánh Quảng Nam (2)	79.800.000.000	79.800.000.000	266.778.400.000	284.158.400.000	97.180.000.000	97.180.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (3)	2.354.301.563	2.354.301.563	18.705.452.579	16.351.151.016	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng (4)	21.830.000.000	21.830.000.000	59.110.000.000	67.230.000.000	29.950.000.000	29.950.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, chi nhánh Quảng Nam	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển- Chi nhánh Hội An (5)	20.000.000.000	20.000.000.000	35.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (6)	7.287.324.000	7.287.324.000	11.735.302.000	4.447.978.000	-	-
c) Vay dài hạn	59.388.515.800	59.388.515.800	91.123.817.800	31.735.302.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển- Chi nhánh Hội An (5)	34.153.817.800	34.153.817.800	54.153.817.800	20.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Quảng Nam (6)	24.184.698.000	24.184.698.000	35.920.000.000	11.735.302.000	-	-
- Ông Nguyễn Tiến Dũng (7)	1.050.000.000	1.050.000.000	1.050.000.000	-	-	-
Cộng	389.090.141.363	389.090.141.363	1.085.079.225.629	937.287.484.266	241.298.400.000	241.298.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hội An bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2017/590188/HĐTD ký ngày 26/04/2017 theo đó hạn mức với số tiền tối đa là 150.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên Vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, doanh thu bán hàng của bên vay và các nguồn thu hợp pháp khác của Bên vay và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay riêng được thực hiện thủ tục công chứng/ chứng thực và đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1786362/HĐTD ngày 16/06/2017 với hạn mức cho vay 150.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 16/06/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh, bảo lãnh, mở LC. Lãi suất cho vay: Xác định trong từng HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là xe ô tô các loại, bồn chứa khí gas hóa lỏng các loại theo HĐ thế chấp số 02/2014/1786362/HĐBĐ ngày 19/05/2014. BB định giá ngày 18/06/2016 và PLHĐ thế chấp số 03/2054/1786362/HĐBĐ ngày 19/06/2015

- Hợp đồng vay số 01/2017/6497890/HĐTD ngày 16/06/2017, khoản vay nhằm mục đích chuyển trả tiền mua hàng, bổ sung vốn lưu động cho công ty, lãi suất cố định theo từng kế ước cho vay.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Quảng Nam bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 6500H1/17013/NHNT ngày 10/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay 21.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày HĐ có hiệu lực. Thời hạn cho vay: 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay: được quy định theo từng giấy nhận nợ từng lần rút vốn, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, công trình gắn liền với đất và dây chuyền máy móc theo (01) HĐ thế chấp số 006/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BBĐG tài sản số 031/BBĐG ngày 10/04/2017; (02) HĐ thế chấp số 007/2011/VCB.QNA ngày 05/01/2011 và BBĐG tài sản số 032/BBĐG ngày 10/04/2017; (03) HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 018/2016/VCB.QNA ngày 18/03/2016 thế chấp tài sản của bên thứ 3 bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy tại 351 Phan Châu Trinh, P. Bình Hiên. Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6500H1/17018/NHNT ngày 17/04/2017, hạn mức cho vay 50.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ theo hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay theo giấy nhận nợ từng lần nhưng tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay cố định theo chương trình cho vay ngắn hạn lãi suất cạnh tranh 2017 đến hết ngày 31/03/2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp tài sản số 125/2012/QNB ngày 21/03/2012, giá trị tài sản đảm bảo 8.669.553.300 VND

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6500H1/16043/NHNT ngày 30/08/2016 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Quảng Nam. Hạn mức cho vay 30.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Mục đích vay: Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay thả nổi và được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và cố định trong suốt thời gian vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn 087/2016/VCB.QNa ngày 30/08/2016 trị giá 10.000.000 đồng của công ty; Nhà xưởng, công trình gắn liền trên đất, dây chuyền máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 006/2011/VCB.QNa ngày 05/01/2011 và số 007/2011/VCB.QNa ngày 05/11/2011 thuộc sở hữu của Công ty CP ĐT&SX Petro Miền Trung; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Gas Miền Trung và bên thứ 3;

(3) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.542.220317 ngày 10/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND. Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.565.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu. Hạn mức thấu chi 5.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký. Lãi suất thấu chi: 7%/năm. Thời hạn cho vay được ghi trên mỗi kế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ 3 là bất động sản 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và bà Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK.BDDN.79.080217.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016-HĐTDHM/NHCT480- PETRO MIEN TRUNG ngày 29/11/2016 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng. Hạn mức cho vay 30.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: Từ ngày 29/11/2016 đến ngày 29/11/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản nợ. Lãi suất cho vay: Xác định trong HĐTD cụ thể theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng (1) các giấy tờ có giá: theo HĐ cầm cố giấy tờ có giá số 01/2015-HĐCC-NHCT 480- PETRO MIEN TRUNG ngày 23/10/2015 và HĐ cầm cố giấy tờ có giá số 02/2015-HĐCC-NHCT 480 PETRO MIEN TRUNG ngày 16/12/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng và Bà Nguyễn Thị Bích Thủy; (2) vỏ bình gas 12kg và 45kg, thép sản xuất vỏ bình và đệm van theo HĐ thế chấp bất động sản số 01/2015/HĐTC/NHCT 480-PETRO MIEN TRUNG.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hội An theo các hợp đồng sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hội An theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2016/590188/HĐTD ký ngày 08/06/2016 theo đó hạn mức với số tiền tối đa là 100.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ, thời hạn cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên Vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, doanh thu bán hàng của bên vay và các nguồn thu hợp pháp khác của Bên vay và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay riêng được thực hiện thủ tục công chứng/ chứng thực và đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An, theo hợp đồng vay số 01/2015/6497890/HĐTD ngày 12/02/2015 với số tiền 100.000.000.000 VND với mục đích thanh toán cho việc nhận chuyển nhượng dự án nhà máy sản xuất vỏ bình gas và chiết nạp gas từ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam. Khoản vay này sẽ được thanh toán đến ngày 17/08/2017 và chịu lãi suất thả nổi và theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được quy định theo từng kế ước nhận vay. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án nhận chuyển nhượng các nhà máy sản xuất vỏ bình Gas và nạp chiết gas của Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam theo hợp đồng thế chấp Bất Động Sản hình thành trong tương số 01/2015/6497890/HĐTC ngày 12/02/2015 và hợp đồng thế chấp bất động sản và quyền sử dụng tài sản số 02/2015/6497890/HĐTC ngày 12/02/2015 làm tài sản đảm bảo.

(6) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số TAK.DN.552.220317 ngày 28/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu, hạn mức cho vay 40.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn hỗ trợ tài chính. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày nhận tiền vay. Lãi suất cho vay: được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng xe đầu kéo, xe tải các loại, vỏ bình gas và tài sản của bên thứ ba là bất động sản tại 139 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng của ông Nguyễn Tiến Lãng và Nguyễn Thị Bích Thủy theo hợp đồng thế chấp số TAK. BDDN.79.080217.

(7) Vay ông Nguyễn Tiến Dũng theo hợp đồng số 01/2017/HĐV-TNAM-TD ngày 10/12/2017, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay tới hết ngày 31/12/2018, lãi suất 0%/ năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	7.249.182.995	14.973.019.299	15.444.377.270	6.777.825.024
- Thuế GTGT	425.606.870	3.185.000.559	3.361.286.894	249.320.535
- Thuế TNDN	6.823.576.125	11.784.487.940	12.080.446.977	6.527.617.088
- Thuế TNCN	-	3.530.800	2.643.399	887.401
Cộng	7.249.182.995	14.973.019.299	15.444.377.270	6.777.825.024
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	2.450.305			2.450.305
- Tiền TNDN	1.155.810			1.155.810
- Thuế TNCN nộp thừa	73.779.889			73.779.889
Cộng	77.386.004			77.386.004

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	6.215.069.825	857.609.535
- Bảo hiểm xã hội	904.016	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	6.180.774.921	857.609.535
b) Dài hạn	108.951.384.806	73.154.461.456
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	108.951.384.806	73.154.461.456
c) Phải trả khác là các bên liên quan		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	19.815.587.073	-	-	-	9.817.019.359	209.632.606.432
Tăng vốn năm trước	150.000.000.000						150.000.000.000
Lãi trong năm trước		54.127.825.694				22.453.346.139	22.453.346.139
Tăng khác						12.924.733	54.140.750.427
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	330.000.000.000	73.943.412.767	-	-	-	32.283.290.231	436.226.702.998
Tăng vốn trong năm nay	92.179.132.919						92.179.132.919
Lãi trong năm nay		(2.322.325.368)				48.841.187.255	46.518.861.887
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ do hoàn nhập trong năm nay		69.999.352.113					-
Giảm do thoái vốn		2.640					-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm	330.000.000.000	93.800.865.565	-	-	-	41.545	504.925.301.506

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%%	330.000.000.000	330.000.000.000
Cộng		330.000.000.000	330.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
		Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		330.000.000.000	180.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm			150.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm			
- Vốn góp cuối năm		330.000.000.000	330.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			-
d) Cổ phiếu			
		Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		33.000.000	33.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
5.20 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái		-	69.999.352.113
Công ty TNHH Gas Miền Trung		4.005.436.846	3.204.400.242
Công ty TNHH Trung Nam		5.250.541.288	739.660.412
Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas		84.544.887.431	-
Cộng		93.800.865.565	73.943.412.767
5.21 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH			
6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH			
6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		919.620.002.905	468.923.179.068
- Doanh thu bán hàng		905.817.887.515	465.406.583.407
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		13.802.115.390	3.516.595.661
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		-	-
6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		39.896.421.626	20.826.903.304
Giảm giá hàng bán		-	833.407.249
Cộng		39.896.421.626	21.660.310.553

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng đã bán	727.110.771.712	368.019.196.886
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	722.359.359.509	363.469.198.208
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.751.412.203	4.549.998.678
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(652.758.651)
Cộng	727.110.771.712	367.366.438.235
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	10.355.709.553	9.587.088.631
Lãi do chuyển đổi các khoản đầu tư	7.706.176.279	23.165.947.403
Lãi chênh lệch tỷ giá	204.450.000	5.039.700
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	96.456.030	-
Cộng	18.362.791.862	32.758.075.734
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	25.399.701.525	18.526.139.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá	71.288.040	50.722.750
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư		
Cộng	25.470.989.565	18.576.862.479
6.6 . THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	120.454.536	-
- Lãi chậm thanh toán	1.028.107.952	-
- Phân bổ cược vỏ bình gas	10.291.191.575	6.146.496.450
- Các khoản khác	792.096.018	1.037.238
- Lãi từ giao dịch mua rẻ		1.148.775.365
Cộng	12.231.850.081	7.296.309.053
6.7 . CHI PHÍ KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	2.591.452.346	3.661.031.731
Cộng	2.591.452.346	3.661.031.731
6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay	Năm trước
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	73.927.617.361	44.963.985.954
Chi phí nhân viên	8.797.245.337	2.882.153.846
Chi phí vỏ bình phân bổ	27.848.965.045	13.701.319.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.747.637.027	12.857.180.358
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	6.175.315.708	9.989.339.551
Chi phí bán hàng khác	27.358.454.245	5.533.992.731
b) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	24.466.574.439	19.841.776.270
Chi phí nhân viên	9.883.560.538	8.200.539.214
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	661.936.543	321.670.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.063.561.940	2.222.511.701
Chi phí bảo lãnh	1.460.311.758	803.590.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.584.447.838	5.453.602.812
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.812.755.822	2.839.861.743

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.832.550.005	22.298.246.509
Chi phí nhân công	23.190.442.538	15.617.200.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.532.743.492	18.402.412.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.658.603.122	28.757.767.184
Chi phí bằng tiền khác	12.503.140.081	6.010.949.882
Cộng	124.717.479.238	91.086.576.596
6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.900.432.626	6.252.240.898
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.900.432.626	6.252.240.898
6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI		
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	843.990.127	4.226.335.156
Cộng	843.990.127	4.226.335.156
6.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	48.841.187.255	22.453.346.139
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	48.841.187.255	22.453.346.139
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	19.609.452
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.480	1.145

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

8.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

- Ngày 31/03/2017, Công ty mua thêm 30.000.000.000 đồng vốn góp tại Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas (sau đây gọi tắt là V-Gas) tương ứng với 3.000.000 cổ phần của bà Nguyễn Thị Bích Thủy. Tổng số vốn góp tính đến 31/03/2017 của Công ty vào V-Gas là 130.000.000.000 đồng, chiếm 57,78%. Sau thời điểm này, Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas trở thành công ty con của Công ty.

- Ngày 31/03/2017, Công ty chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần tương đương 30.000.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái (sau đây gọi tắt là Việt Thái) và ngày 30/06/2017, Công ty góp thêm 49.500.000.000 đồng vốn vào Việt Thái theo Nghị quyết số 01/17/QĐ ngày 25/03/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tổng số vốn góp tính đến 30/06/2017 của Công ty vào Việt Thái là 99.500.000.000 đồng, chiếm 14,42% vốn điều lệ của Việt Thái. Sau thời điểm này, khoản đầu tư vào Việt Thái từ đầu tư vào công ty con thành khoản đầu tư khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

8.4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm nay

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)

CHỈ TIÊU	MIỀN TRUNG	MIỀN NAM	KHÁC	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	768.223.645.844	151.396.357.061		919.620.002.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.780.239.042	34.116.182.584		39.896.421.626
Giá vốn hàng bán	625.077.019.917	102.033.751.795		727.110.771.712
Lợi nhuận gộp	137.366.386.885	15.246.422.682		152.612.809.567
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				116.496.288.946
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				22.169.107.128
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí, các hoạt động khác chiếm tỉ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó, công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm trước

Năm 2016, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017	174.106.598.988	198.473.763.254	372.580.362.242
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.628.439.242	-	32.628.439.242
Phải thu khách hàng	138.313.514.746	-	138.313.514.746
Đầu tư	-	137.000.000.000	137.000.000.000
Phải thu khác	3.164.645.000	61.473.763.254	64.638.408.254
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:	(1.455.470.972)	-	(1.455.470.972)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.455.470.972)	-	(1.455.470.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	172.651.128.016	198.473.763.254	371.124.891.270

Các khoản vay và nợ	329.701.625.563	59.388.515.800	389.090.141.363
Phải trả người bán	169.622.409.282	77.299.000.000	246.921.409.282
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.429.278.772	108.951.384.806	115.380.663.578
Tổng cộng	505.753.313.617	245.638.900.606	751.392.214.223
Chênh lệch thanh khoản thuần	(333.102.185.601)	(47.165.137.352)	(380.267.322.953)

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2017	140.037.918.735	243.884.556.880	383.922.475.615
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.349.149.576	-	31.349.149.576
Phải thu khách hàng	31.386.433.627	-	31.386.433.627
Đầu tư	67.150.000.000	140.271.356.880	207.421.356.880
Phải thu khác	10.152.335.532	103.613.200.000	113.765.535.532
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	140.037.918.735	243.884.556.880	383.922.475.615

Ngày 01/01/2017	241.298.400.000	-	241.298.400.000
Các khoản vay và nợ	241.298.400.000	-	241.298.400.000
Phải trả người bán	125.364.848.022	77.486.000.000	202.850.848.022
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.014.392.534	73.154.461.456	74.168.853.990
Tổng cộng	367.677.640.556	150.640.461.456	518.318.102.012
Chênh lệch thanh khoản thuần	(227.639.721.821)	93.244.095.424	(134.395.626.397)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	116.640.000.000	-	-	116.640.000.000
Các khoản phải thu về cho vay		164.935.000.000			164.935.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	201.496.452.028	145.151.969.159	201.496.452.028	201.496.452.028	145.151.969.159
Tài sản tài chính khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	137.000.000.000	90.781.356.880	(*)	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.628.439.242	31.349.149.576	32.628.439.242	31.349.149.576	31.349.149.576
Tổng cộng	371.124.891.270	548.857.475.615	(*)	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	389.090.141.363	241.298.400.000	389.090.141.363	241.298.400.000	241.298.400.000
Phải trả người bán	246.921.409.282	202.850.848.022	246.921.409.282	202.850.848.022	202.850.848.022
Phải trả khác	115.166.454.631	74.012.070.991	115.166.454.631	74.012.070.991	74.012.070.991
Tổng cộng	751.178.005.276	518.161.319.013	751.178.005.276	518.161.319.013	518.161.319.013

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

8.6 Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Cổ đông, thành viên lãnh đạo chủ chốt
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Cổ đông, thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	Đầu tư góp vốn
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt

Ngoài thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	Giá trị
Ông Nguyễn Tiến Lãng Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thanh toán tiền mua đất		92.000.000.000
	Phải trả tiền mua đất		92.000.000.000
	Thu lại tiền mua đất		61.000.000.000
	Thu lại tiền hợp tác đầu tư		116.640.000.000
	Thu tiền lãi hợp tác đầu tư		3.742.975.000
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Cho Công ty mượn tiền		11.000.000.000
	Thu tiền cho vay		11.000.000.000
	Cho mượn tiền		19.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thu lại tiền cho mượn		19.000.000.000
	Lãi vay phải thu		182.218.000
	Thu tiền theo thoả thuận ngày 30/4/2016		42.600.000.000
	Cho Công ty vay tiền		25.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	Thu tiền cho vay		25.000.000.000
	Thu tiền bán cổ phần		30.000.000.000
	Tạm ứng tiền theo hợp đồng		63.000.000.000
	Thu lại tiền tạm ứng hợp đồng		33.000.000.000
	Góp vốn		49.500.000.000
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	Thu tiền tạm ứng thép		2.835.000.000
	Trả tiền tạm ứng thép		1.070.000.000
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	Chi hộ Công ty TNHH SCT Gas		63.494.213
b) Thủ lao chi trả trong năm cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc			
Họ và tên	Chức vụ		Năm nay VND
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Tổng Giám đốc		152.800.000
Tổng cộng			152.800.000

Ngoài ra, các thành viên khác trong HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc không có thu nhập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

8.7 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy



Điện thoại: (84 - 0235) 394 7233
Fax : (84-0235) 394 7244
Email : info@petrocenter.com.vn
Website : www.petrocenter.com.vn

Trụ sở chính:
Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam -
Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam